



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

26/05/2025 – 30/05/2025

Khối Nghiên cứu



MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

Hỗ trợ cho nhịp điều chỉnh ở khu vực 1.270 – 1.280 điểm

- Chứng khoán thế giới phần lớn giảm điểm trong tuần vừa qua, mức giảm -2,5% ở chỉ số Dow Jones và -2,6% ở chỉ số S&P500 khiến cả 2 chỉ số này hiện thấp hơn so với đầu năm lần lượt -2,21% và -1,34%. Lợi suất trái phiếu chính phủ có kỳ hạn dài nhất đã tăng mạnh không chỉ ở Mỹ, mà còn ở Nhật Bản và Anh cùng với bất định trong thương mại là các nhân tố khiến chứng khoán toàn cầu giảm điểm. Ở khu vực Châu Á, chứng khoán Hồng Kông đang thu hút giới đầu tư nhờ vị thế là trung tâm tài chính toàn cầu, thu hút dòng vốn từ Trung Quốc và quốc tế do hệ thống kinh tế mở và tự do hơn so với đại lục. Kể từ đầu năm tới nay, chỉ số Hang Seng đã tăng +17,65%, là thị trường có mức tăng tốt nhất Châu Á.
- Lo ngại về căng thẳng thương mại leo thang đã quay trở lại sau khi Tổng thống Donald Trump tuyên bố có thể thúc đẩy mức thuế 50% đối với hàng hóa của Liên minh châu Âu (EU) bắt đầu từ ngày 1/6 nhưng sau đó hoãn đến ngày 9/7 và cảnh báo Apple rằng có thể đối mặt với mức thuế 25% đối với tất cả iPhone nhập khẩu vào Mỹ. Hiện tại, EU đang phải đối mặt với mức thuế nhập khẩu 25% từ Mỹ đối với thép, nhôm và ô tô, cùng với thuế đối ứng 10% đối với hầu hết các mặt hàng khác.
- Ở thị trường hàng hóa, Giá vàng thế giới hoàn tất tuần tăng mạnh nhất trong vòng 6 tuần trở lại đây. Nhu cầu phòng ngừa rủi ro của nhà đầu tư tăng cao sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump đưa ra những lời cảnh báo mới về thuế quan, và đồng USD mất giá cũng hỗ trợ thêm cho thị trường kim loại quý. Dầu có tuần suy giảm đầu tiên kể từ tháng 4, trong khi giá cước Container tiếp tục tăng 7% trong tuần vừa qua sau khi đã tăng 10% ở tuần trước đó, bên cạnh đó giá Bạc và Đồng cũng tăng lần lượt +3,7% và +6,1% trong tuần vừa qua.
- Đối với thị trường trong nước: Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở 1.314,46 điểm, tăng +13,07 điểm, tương đương tăng +1% so với tuần trước, ghi nhận tuần tăng thứ 3 liên tiếp, có thời điểm chỉ số này đã chạm vùng đỉnh cũ 1.330 -1.340 điểm khi đạt ngưỡng cao nhất 1.331,93 điểm. Nhóm cổ phiếu Bluechips (VN30) có mức phục hồi tốt nhất, tăng +1,8%, trong khi nhóm cổ phiếu nhỏ (Smallcap) và nhóm cổ phiếu trung bình (Midcap) có mức tăng lần lượt +0,74% và +0,64%.
- Độ rộng thị trường ở tuần vừa qua không còn tích cực như 2 tuần trước đó, mặt bằng cổ phiếu có sự phân hóa rõ nét khi mức tăng tập trung phần lớn ở nhóm Vingroup (+16,15%). Chỉ số Vn-Index tăng thêm 13 điểm, trong đó 2 cổ phiếu VIC (+16,25%) và VHM (+18,62%) đóng góp tới 22,56 điểm. Một số nhóm cổ phiếu duy trì đà tăng như: Hàng không, Cảng biển/Logistics, ... Ngược dòng thị trường là các nhóm cổ phiếu như: Viettel (-5,58%), Công nghệ (-3,22%), ...

Hỗ trợ cho nhịp điều chỉnh ở khu vực 1.270 – 1.280 điểm

- Khối ngoại bán ròng -718 tỷ đồng sau 2 tuần mua ròng liên tiếp, tuy vậy kể từ đầu tháng 5 khối ngoại vẫn đang mua ròng +3.385 tỷ đồng, là tháng mua ròng đầu tiên kể từ tháng 1/2024. Một số cổ phiếu được khối ngoại mua ròng trong tuần vừa qua: STB, MBB, VIC, VIX, MWG, ...
- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua còn 24.707 tỷ đồng, giảm -6,8% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng sụt -4,6% còn 22.383 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tháng 5 đạt 23.523 tỷ đồng, giảm -8% so với tháng 4 và thấp hơn -6,1% so với cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 20.504 tỷ đồng, giảm -15% so với cùng kỳ và sụt -2,74% so với mức bình quân năm 2024.
- Mặc dù thanh khoản giảm nhẹ và độ rộng thị trường phân hóa nhưng một số nhóm cổ phiếu vẫn thu hút được dòng tiền như: Bất động sản, Vingroup, Logistics, Đầu tư công, Hàng không, v.v...
- Về định giá, chỉ số P/E (ttm) của thị trường hiện tại ở mức 13,08 lần, thấp 1 độ lệch chuẩn (13,43) và thấp hơn giai đoạn đầu tháng 4 (14,63) khi ở vùng mức giá, bên cạnh đó thị trường đang ở mức định giá thấp hơn trung bình lịch sử (16,81), là cơ hội tiềm năng cho nhà đầu tư dài hạn.
- Nhận định thị trường: Chỉ số Vn-Index có thêm 13 điểm trong tuần vừa qua nhờ đóng góp từ 2 cổ phiếu VIC và VHM hơn 22 điểm, tín hiệu đáng chú ý dù thị trường đi lên nhờ lực đẩy từ cổ phiếu trụ nhưng độ rộng thị trường không còn tích cực như 2 tuần trước đó, kéo theo danh mục cổ phiếu có thể bị thiệt hại hoặc chuyển sang trạng thái lổ dù chỉ số tăng. Thanh khoản thị trường đột ngột giảm mạnh -30% trong phiên cuối tuần khiến ngay cả nhóm cổ phiếu vượt đỉnh (tương ứng với Vn-Index trên ngưỡng 1.340 điểm) có thể đã xuất hiện phiên phân phối đầu tiên. Hiện tượng phân hóa có thể còn rõ nét hơn trong tuần này khi không có thông tin hỗ trợ mới, theo đó cơ hội lựa chọn được cổ phiếu khỏe ngày càng ít và dòng tiền sẽ thận trọng hơn. Nhìn chung, với sự thận trọng của dòng tiền như ở phiên cuối tuần, cơ hội bứt phá đỉnh cũ (1.330 – 1.340 điểm) có xác suất thấp, thị trường vẫn đang ở trong vùng trống thông tin nên kịch bản khả dĩ là dao động trong 1 vùng trading để chờ thông tin mới (chẳng hạn như đàm phán thuế quan Việt – Mỹ). Về kỹ thuật, trên đồ thị kỹ thuật tuần, chỉ số Vn-Index có phần “hụt hơi” ở ngưỡng 1.320 điểm. Trên đồ thị kỹ thuật ngày, 6 phiên gần đây chỉ số không có tiến triển trên nền thanh khoản cao, do vậy đây là vùng cản ngắn hạn của thị trường, tương ứng với 1.320 – 1.330 điểm. Trong kịch bản cơ sở, thị trường điều chỉnh về vùng hỗ trợ quanh 1.280 điểm và dao động trong vùng trading 1.280 – 1.320 điểm. Lúc này, khả năng bứt phá đỉnh 1.340 điểm mặc dù có xác suất không cao nhưng cũng khó để giảm mạnh khi thị trường vẫn nằm trên các ngưỡng hỗ trợ quan trọng từ MA20, MA50, cho tới MA100 và MA200. Mặc dù có hiện tượng phân phối ở nhiều cổ phiếu nhưng xu hướng tăng ngắn hạn của thị trường có thể vẫn được bảo toàn, ít nhất là phía trên khu vực 1.270 điểm.
- Chiến lược giao dịch: Nhà đầu tư nên căn cứ vào các ngưỡng hỗ trợ ở cổ phiếu cụ thể thay vì tham chiếu chỉ số chung, bên cạnh đó là quan trọng danh mục chặt chẽ, hạ đòn bẩy, đưa tỷ trọng cổ phiếu/tiền mặt về trạng thái an toàn. Thị trường khả năng sẽ phân hóa mạnh, khả năng chọn đúng cổ phiếu đang ít dần và rủi ro đang tăng lên. Một số nhóm cổ phiếu có thể xem xét khi cơ cấu danh mục: Ngân hàng, Logistics, Đầu tư công, sản xuất và phân phối điện, v.v...

Các sự kiện chính trong tuần này (26/05 – 30/05)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
26	27  Mỹ: Số liệu đơn đặt hàng hóa lâu bền(tháng 4)  Mỹ: Chỉ số niềm tin người tiêu dùng của CB (tháng 5)	28  Đức: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 5)	29  Mỹ: Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu  Mỹ: Biên bản họp của FOMC  Mỹ: Chỉ số giá chi tiêu tiêu dùng cá nhân PCE sơ bộ (Q1)  Mỹ: Tăng trưởng GDP sơ bộ (Q1)	30  Nhật Bản: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 5)  Mỹ: Chỉ số tâm lí tiêu dùng của đại học Michigan (tháng 5)  Mỹ: Chỉ số giá chi tiêu tiêu dùng cá nhân PCE (tháng 4)  Nhật Bản: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 4)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	868.15	-1.42%	5.26%	3.19%	9.67%
Dow Jones	41,603.07	-2.47%	3.71%	-2.21%	6.48%
S&P 500	5,802.82	-2.61%	5.02%	-1.34%	9.39%
Europe	545.13	-0.75%	4.74%	7.39%	4.72%
Japanese	37,160.47	-1.57%	4.07%	-6.85%	-3.84%
Korea	2,592.09	-1.32%	1.80%	8.03%	-3.55%
China	3,348.37	-0.57%	1.62%	-0.10%	8.40%
HongKong	23,601.26	1.10%	7.37%	17.65%	26.83%
Taiwan	21,652.24	-0.88%	8.95%	-6.00%	0.40%
Indian	24,853.15	-0.67%	3.39%	5.11%	8.26%
Singapore	3,882.42	-0.40%	1.53%	2.50%	17.06%
Malaysia	1,535.38	-2.31%	1.73%	-6.51%	-5.19%
Indonesia	7,214.16	1.51%	8.01%	1.90%	-0.11%
Thailand	1,176.36	-1.62%	1.50%	-15.99%	-13.79%
Philippine	6,413.10	-0.81%	2.30%	-1.77%	-3.12%
Vietnam	1,314.46	1.00%	6.93%	3.76%	4.16%
Brent Oil	64.78	-0.96%	-3.13%	-13.21%	-21.12%
Crude Oil WTI	60.93	-1.68%	-3.32%	-14.48%	-21.11%
Gold	3,365.80	5.60%	2.04%	27.44%	44.18%
S&P 500 VIX	22.29	29.29%	-10.27%	28.47%	86.84%
Dollar Index	99.01	-1.92%	-0.25%	-8.57%	-5.38%
U.S. 10Y	4.51	1.43%	5.96%	-1.42%	0.90%
U.S. 2Y	3.99	0.00%	6.28%	-5.79%	-19.35%

Nguồn: Update 24/05, Investing, MBS Research

- Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Mỹ đều giảm hơn 2% trong tuần vừa qua, tâm điểm là phiên giao dịch ngày thứ 6 (23/5) sau khi Tổng thống Donald Trump đưa ra những cảnh báo mới về thuế quan, bao gồm ý định áp thuế lên Apple và tăng thuế đối với hàng hóa châu Âu. Tuy nhiên, các chỉ số đã thoát khỏi mức đáy của phiên sau khi hãng tin CNBC đưa tin nói rằng Nhà Trắng không xem những tuyên bố trên của ông Trump là thông báo chính sách chính thức. Hiện tại, EU đang phải đối mặt với mức thuế nhập khẩu 25% từ Mỹ đối với thép, nhôm và ô tô, cùng với thuế đối ứng 10% đối với hầu hết các mặt hàng khác.
- Ở khu vực Châu Á, thị trường chứng khoán Hồng Kông đang thu hút giới đầu tư hơn so với Trung Quốc đại lục. Thị trường IPO của Hong Kong đang rất sôi động. Theo số liệu từ Sở giao dịch chứng khoán Hong Kong, tính đến cuối tháng Tư năm nay, có hơn 130 công ty xếp hàng chờ niêm yết, trong đó có các công ty lớn như CaoCao Inc, JD Industrial. Hong Kong không ngừng tăng cường sự phát triển đồng bộ của động cơ kép "tài chính + đổi mới và công nghệ", đưa sự phát triển của một trung tâm tài chính quốc tế và một trung tâm đổi mới và công nghệ quốc tế lên một tầm cao mới. Kể từ đầu năm tới nay, chỉ số Hang Seng đã tăng +17,65%, là thị trường có mức tăng tốt nhất Châu Á.
- Giá vàng thế giới tăng gần 2% trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu (23/5), hoàn tất tuần tăng mạnh nhất trong vòng 6 tuần trở lại đây. So với cuối tuần trước, giá vàng giao ngay tăng 5,6%, đánh dấu tuần tăng mạnh nhất kể từ giữa tháng 4.
- Giá dầu tăng nhẹ vào ngày thứ Sáu (23/05), nhưng vẫn ghi nhận tuần suy giảm đầu tiên trong 3 tuần, chịu áp lực bởi kỳ vọng ngày càng tăng về một đợt tăng sản lượng lớn khác của OPEC+ trong tháng 7/2025.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Chứng khoán Mỹ: Tuần giảm điểm vừa qua khiến các chỉ số chính chuyển sang trạng thái giảm tính từ đầu năm, trong đó S&P500 (-1,34%), Dow Jones (-2,21%)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Trong khu vực Đông Nam Á (Asean6), Indonesia và Việt Nam có mức hồi phục tốt nhất trong vòng 1 tháng qua



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



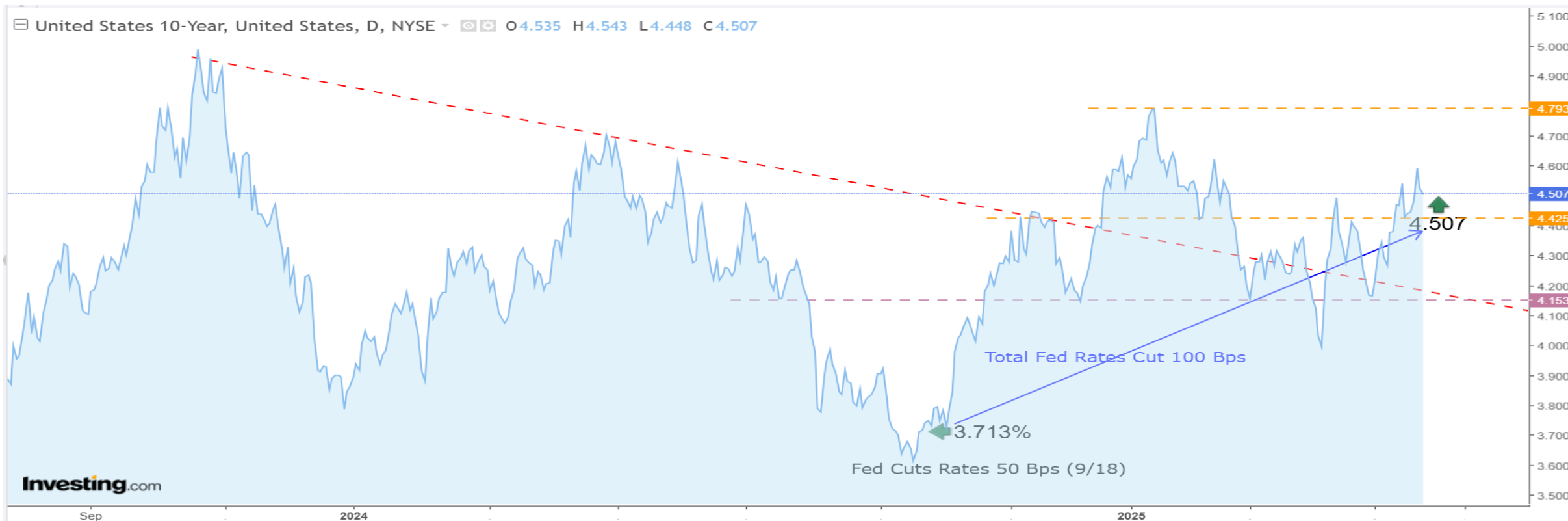
Dù có mức phục hồi hơn 20% từ đáy, mạnh hơn Hàn Quốc và Trung Quốc đại lục, tuy vậy chứng khoán Nhật Bản vẫn thấp hơn 6,8% kể từ đầu năm



Thị trường trái phiếu toàn cầu báo hiệu các chính phủ cần phải trả nhiều hơn để vay dài hạn

Lợi suất trái phiếu chính phủ có kỳ hạn dài nhất đã tăng mạnh không chỉ ở Mỹ, mà còn ở Nhật Bản và Anh. Từ các cuộc đấu giá trái phiếu chính phủ ảm đạm đến giá trái phiếu dài hạn lao dốc, các nhà đầu tư đang gửi một thông điệp rõ ràng tới các chính phủ rằng trong bối cảnh bất ổn hiện nay, sẽ cần phải trả nhiều hơn để đi vay trong nhiều thập kỷ tới.

Ở Mỹ, giới đầu tư cho rằng thâm hụt ngân sách của chính phủ Mỹ tiếp tục leo thang và khối nợ liên bang tăng thêm hàng nghìn tỷ USD trong thập kỷ tới, đúng vào thời điểm lạm phát ở Mỹ có nguy cơ tăng trở lại do chính sách thuế quan của ông Trump. Những mối lo ngại này đã gây áp lực giảm lên giá trái phiếu kho bạc Mỹ trong những phiên gần đây, dẫn tới lợi suất trái phiếu tăng cao.



Giá vàng thế giới hoàn tất tuần tăng mạnh nhất trong vòng 6 tuần trở lại đây

Giá vàng thế giới tăng gần 2% trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu (23/5), hoàn tất tuần tăng mạnh nhất trong vòng 6 tuần trở lại đây. Nhu cầu phòng ngừa rủi ro của nhà đầu tư tăng cao sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump đưa ra những lời cảnh báo mới về thuế quan, và đồng USD mất giá cũng hỗ trợ thêm cho thị trường kim loại quý. Tuần vừa qua, Dollar Index giảm gần 2%, một phần vì mối lo của nhà đầu tư về nợ nần và thâm hụt ngân sách của Chính phủ Mỹ sau khi Hạ viện nước này thông qua một dự luật về giảm thuế và tăng chi tiêu. So với cuối tuần trước, giá vàng giao ngay tăng hơn 5%, đánh dấu tuần tăng mạnh nhất kể từ giữa tháng 4.



Dầu có tuần suy giảm đầu tiên kể từ tháng 4

Giá dầu tăng nhẹ vào ngày thứ Sáu (23/05), nhưng vẫn ghi nhận tuần suy giảm đầu tiên trong 3 tuần, chịu áp lực bởi kỳ vọng ngày càng tăng về một đợt tăng sản lượng lớn khác của OPEC+ trong tháng 7/2025. Hợp đồng dầu Brent giảm 0,96% còn 64,78 USD/thùng, bên cạnh đó hợp đồng dầu WTI cũng sụt 1,68% xuống 60,93 USD/thùng. OPEC+, nhóm gồm Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) và các đồng minh do Nga đứng đầu, sẽ tổ chức cuộc họp vào tuần tới với kỳ vọng sẽ thống nhất tăng thêm sản lượng 411,000 thùng/ngày trong tháng 7/2025.



Moody's hạ xếp hạng tín dụng của Hoa Kỳ xuống Aa1 lần đầu tiên kể từ năm 1919

Moody's Ratings vừa hạ xếp hạng tín dụng quốc gia của Mỹ từ Aaa (mức cao nhất có thể) xuống Aa1. Nguyên nhân chính được cơ quan xếp hạng này chỉ ra là gánh nặng ngày càng tăng trong việc tài trợ cho thâm hụt ngân sách liên bang và chi phí ngày càng cao khi tái tài trợ cho khoản nợ hiện tại trong bối cảnh lãi suất cao.

"Việc hạ một bậc xếp hạng trên thang điểm 21 bậc của chúng tôi phản ánh sự gia tăng về tỷ lệ nợ Chính phủ trong hơn một thập kỷ qua và tỷ lệ thanh toán lãi suất lên mức cao hơn đáng kể so với các quốc gia có chủ quyền được xếp hạng tương tự", Moody's giải thích trong tuyên bố chính thức.

Quyết định này được dự đoán sẽ tác động đến thị trường, đẩy lợi suất mà các nhà đầu tư yêu cầu khi mua trái phiếu Chính phủ Mỹ lên cao hơn để phản ánh rủi ro gia tăng. Đồng thời, nó có thể làm suy giảm tâm lý đối với việc nắm giữ tài sản Mỹ, bao gồm cả cổ phiếu. Hiện tất cả các cơ quan xếp hạng tín dụng lớn vẫn tiếp tục duy trì cho Mỹ xếp hạng cao thứ hai trong số các xếp hạng hiện có của họ.

Trước đó, Moody's đã kiên trì giữ nợ Chính phủ của Mỹ ở mức xếp hạng tín dụng cao nhất có thể. Quyết định này đưa cơ quan có tuổi đời 116 năm này vào cùng hàng ngũ với các đối thủ cạnh tranh. Trước đó, Standard & Poor's (S&P) đã hạ xếp hạng của Mỹ từ AAA xuống AA+ vào tháng 8/2011, và Fitch Ratings cũng thực hiện động thái tương tự vào tháng 8/2023.

"Các chính quyền và Quốc hội Mỹ kế tiếp nhau đã không thể thống nhất về các biện pháp để đảo ngược xu hướng thâm hụt tài chính hàng năm lớn và chi phí lãi suất ngày càng tăng", các nhà phân tích của Moody's nhấn mạnh. "Chúng tôi không tin rằng việc cắt giảm đáng kể chi tiêu bắt buộc và thâm hụt trong nhiều năm sẽ đến từ các đề xuất tài chính hiện đang được xem xét".

Credit Rating Scales by Agency, Long-Term

Moody's	S&P	Fitch	
Aaa	AAA	AAA	Prime
Aa1	AA+	AA+	High grade
Aa2	AA	AA	
Aa3	AA-	AA-	
A1	A+	A+	Upper medium grade
A2	A	A	
A3	A-	A-	
Baa1	BBB+	BBB+	Lower medium grade
Baa2	BBB	BBB	
Baa3	BBB-	BBB-	
Ba1	BB+	BB+	Non-investment grade speculative
Ba2	BB	BB	
Ba3	BB-	BB-	
B1	B+	B+	Highly speculative
B2	B	B	
B3	B-	B-	
Caa1	CCC+	CCC	Substantial risk
Caa2	CCC		Extremely speculative
Caa3	CCC-		Default imminent with little prospect for recovery
Ca	CC	CC	
	C	C	
C	D	D	In default
/			
/			

"Junk"

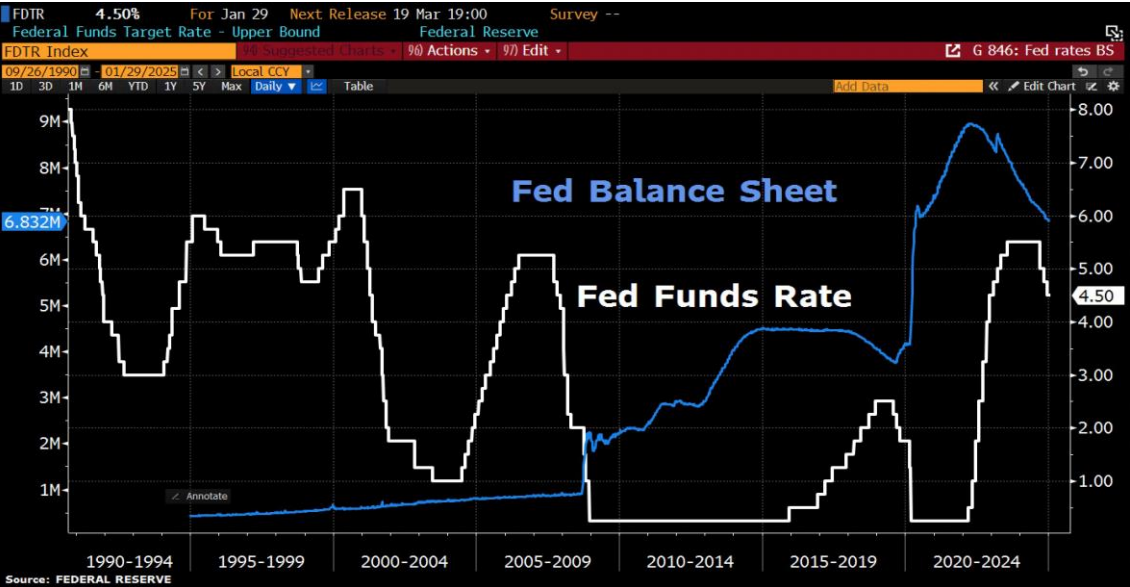


Fed tính điều chỉnh chiến lược chính sách tiền tệ, thị trường định giá 2 lần cắt giảm lãi suất vào cuối năm

Giới chức Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) cảm thấy cần phải xem xét lại các yếu tố chủ chốt liên quan tới cả thị trường việc làm và lạm phát trong cách tiếp cận chính sách tiền tệ hiện nay, xét tới thực tế lạm phát mấy năm gần đây và khả năng các cú sốc nguồn cung cũng như sự tăng giá do những cú sốc đó có thể xảy ra thường xuyên hơn trong những năm tới - Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) Jerome Powell phát biểu ngày 15/5. Sự thận trọng với lạm phát là một lý do khiến Fed tránh đưa ra những kết luận nhanh chóng về tác động từ chính sách thuế quan của Tổng thống Donald Trump đối với nền kinh tế. Thuế quan đã khiến Fed khó đánh giá được tình trạng sức khỏe và hướng đi của nền kinh tế, và giới chức Fed cũng chưa thể xác định một cách chắc chắn nền kinh tế Mỹ và kinh tế toàn cầu đã thay đổi như thế nào do đại dịch.

Thị trường đang định giá chỉ có 2 lần cắt giảm lãi suất cuối năm 2025:

- Tháng 6 năm 2025: Giữ nguyên
- Tháng 7 năm 2025: Giữ nguyên
- Tháng 9 năm 2025: Giảm 25 điểm cơ bản xuống 4,00-4,25%
- Tháng 10 năm 2025: Giữ nguyên
- Tháng 12 năm 2025: Giảm 25 điểm cơ bản xuống còn 3,75-4,00%



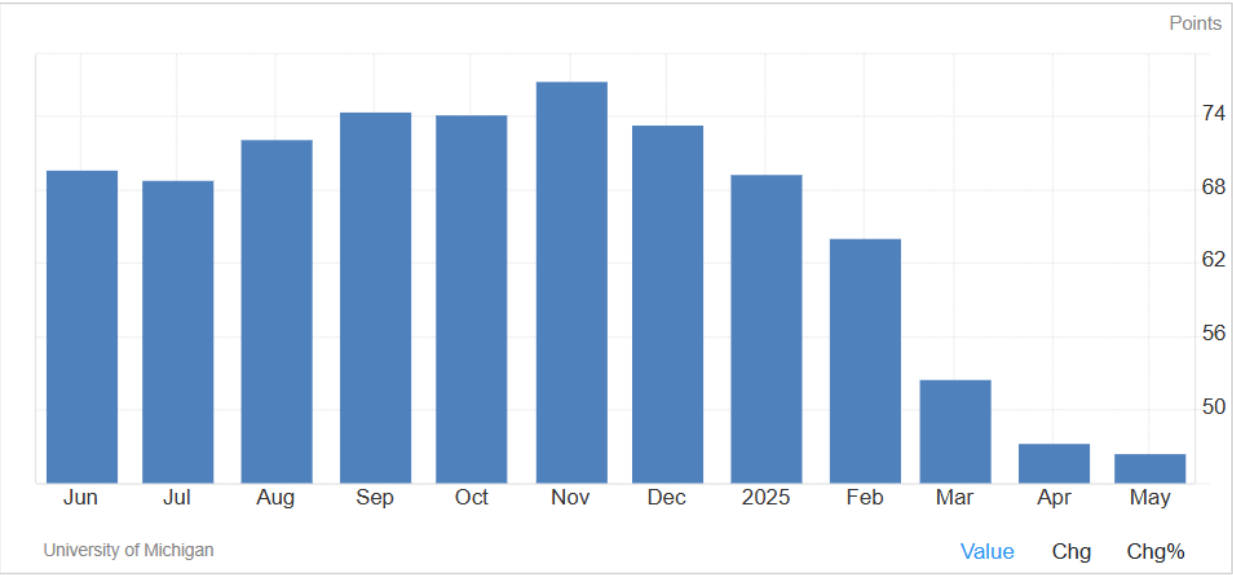
	CME FEDWATCH TOOL - CONDITIONAL MEETING PROBABILITIES								
MEETING DATE	225-250	250-275	275-300	300-325	325-350	350-375	375-400	400-425	425-450
18/06/2025				0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	8.4%	91.6%
30/07/2025	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	2.4%	32.5%	65.1%
17/09/2025	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	1.4%	20.1%	51.6%	26.9%
29/10/2025	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.7%	11.0%	36.3%	38.9%	13.1%
10/12/2025	0.0%	0.0%	0.0%	0.5%	7.0%	26.5%	37.9%	23.0%	5.0%
28/01/2026	0.0%	0.0%	0.2%	2.9%	14.2%	30.7%	32.5%	16.5%	3.2%

Khảo sát tâm lý của Michigan cho thấy Tâm lý người tiêu dùng giảm trong tháng thứ sáu liên tiếp

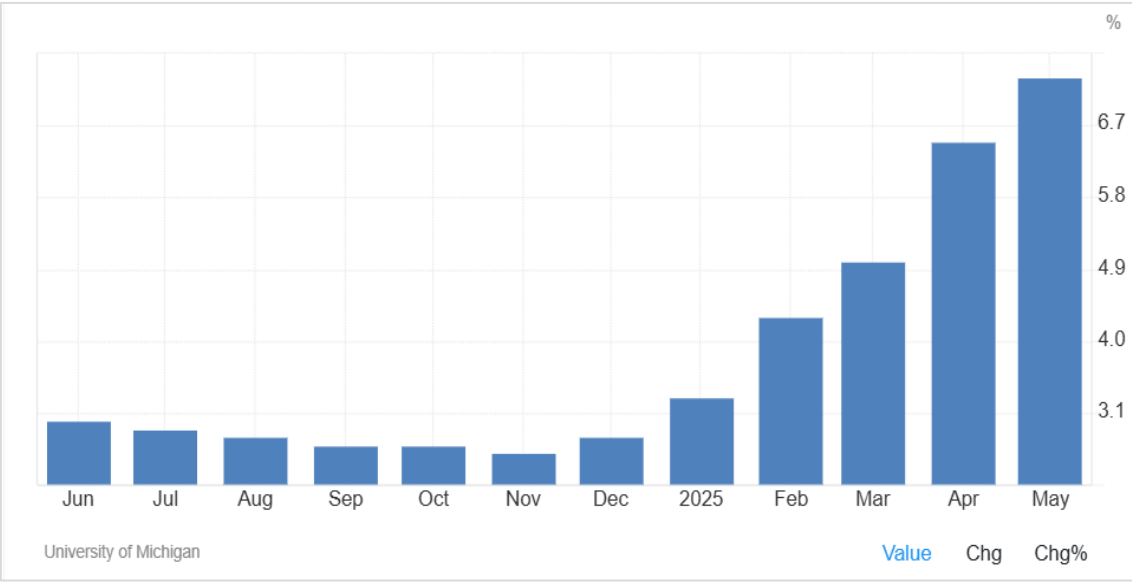
Báo cáo khảo sát của Đại học Michigan cho thấy niềm tin người tiêu dùng Mỹ giảm xuống mức thấp thứ hai trong lịch sử trong chuỗi giảm 6 tháng liên tiếp

Cũng theo báo cáo này, người tiêu dùng kỳ vọng giá cả hàng hóa sẽ tăng 7,3% trong vòng 1 năm tới, từ mức kỳ vọng tăng 6,5% trong cuộc khảo sát tháng trước.

Chỉ số tâm lý người tiêu dùng



Kỳ vọng lạm phát 1 năm



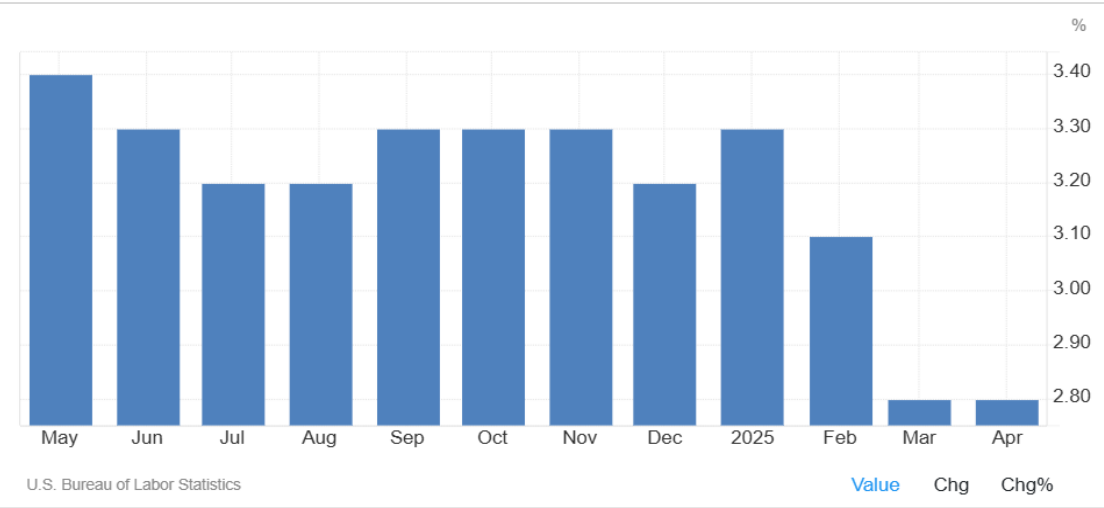
Lạm phát Mỹ tháng 4 dịu đi

Theo một báo cáo từ Bộ Lao động Mỹ, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của nước này tăng 2,3% trong tháng 4 so với cùng kỳ năm ngoái, thấp hơn mức tăng 2,4% của tháng 3 và cũng thấp hơn mức dự báo tăng 2,4% mà giới phân tích đưa ra.

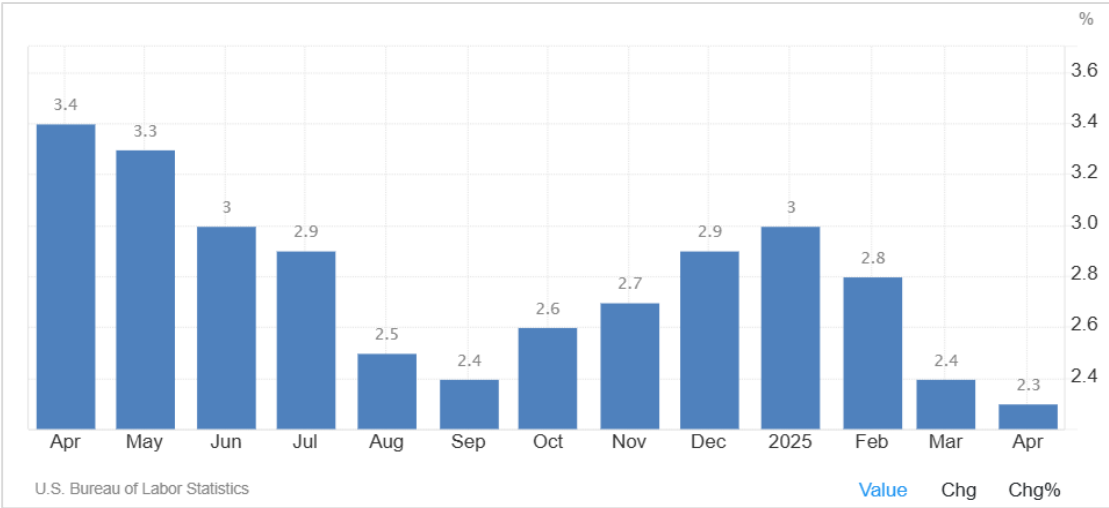
Đây là mức tăng hàng năm thấp nhất của chỉ số CPI Mỹ kể từ tháng 2/2021. Ngoài ra, không có dấu hiệu nào cho thấy các kế hoạch thuế quan của ông Trump đẩy giá cả ở Mỹ tăng trong tháng 4. Nguyên nhân có thể nằm ở việc các công ty Mỹ đã tích trữ được nhiều hàng hóa trong quý 1 trước khi thuế quan có hiệu lực.

Số liệu kinh tế vĩ mô công bố ngày thứ Năm tiếp tục cho thấy xu hướng giảm của lạm phát. Theo báo cáo từ Bộ lao động Mỹ, chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) tháng 4 giảm 0,5% so với tháng trước, so với mức dự báo tăng 0,3% mà các nhà kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones.

United States Core CPI YoY



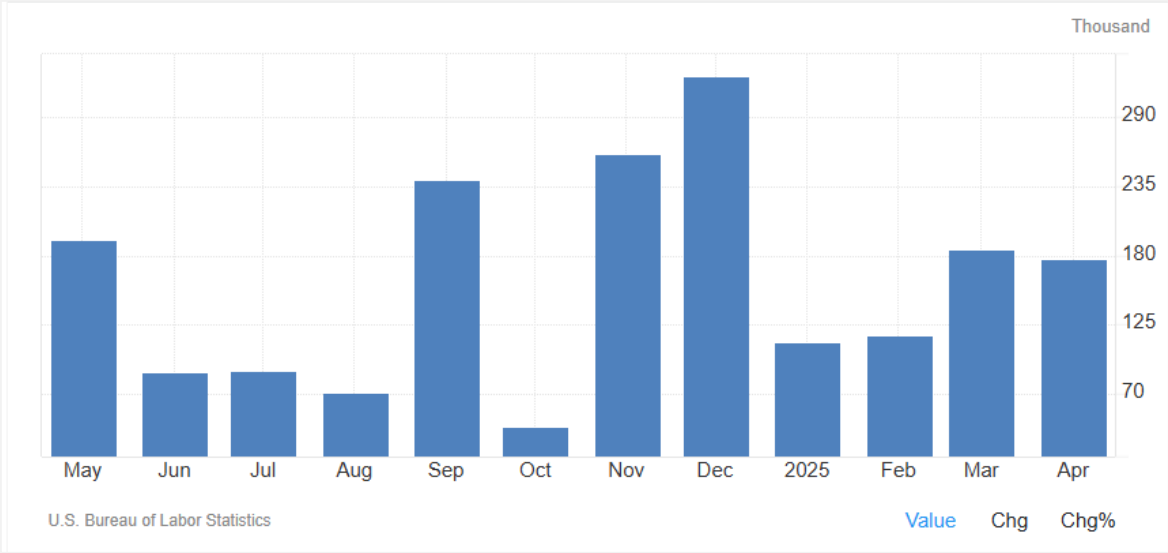
United States Inflation Rate YoY



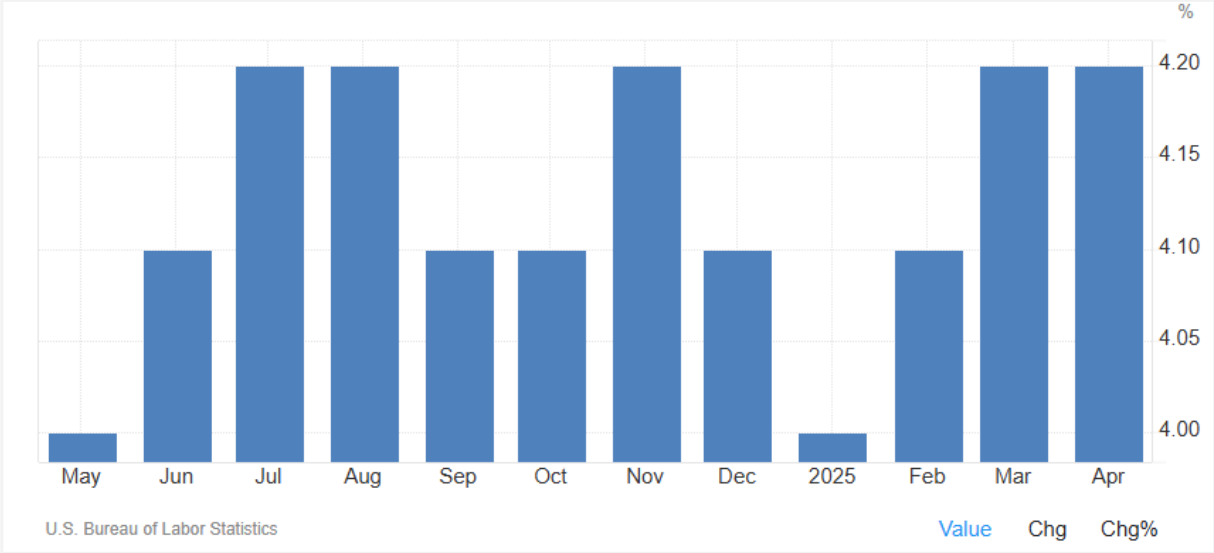
Thị trường việc làm tháng 4 ở Mỹ mạnh hơn dự báo

Báo cáo việc làm chính thức của Mỹ cho thấy nền kinh tế nước này đã tạo ra thêm 177.000 việc làm trong tháng 4, cao hơn so với dự báo tăng 133.000 việc làm từ các chuyên gia kinh tế tham gia cuộc thăm dò của Dow Jones. Con số này vẫn giảm mạnh so với mức tăng 185.000 việc làm trong tháng 3, nhưng tốt hơn nhiều so với lo ngại sau khi nổi lo về suy thoái gia tăng trong tháng trước. Tỷ lệ thất nghiệp ở mức 4,2%, trùng khớp với dự báo.

United States Non Farm Payrolls



United States Unemployment Rate

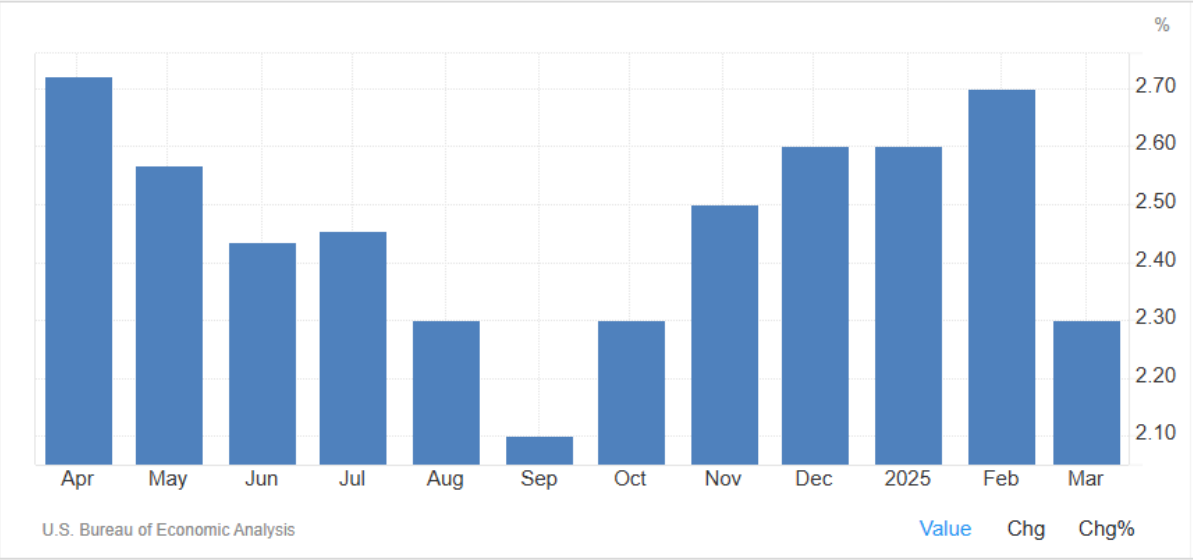


Lạm phát của Mỹ đã chậm lại vào tháng 3

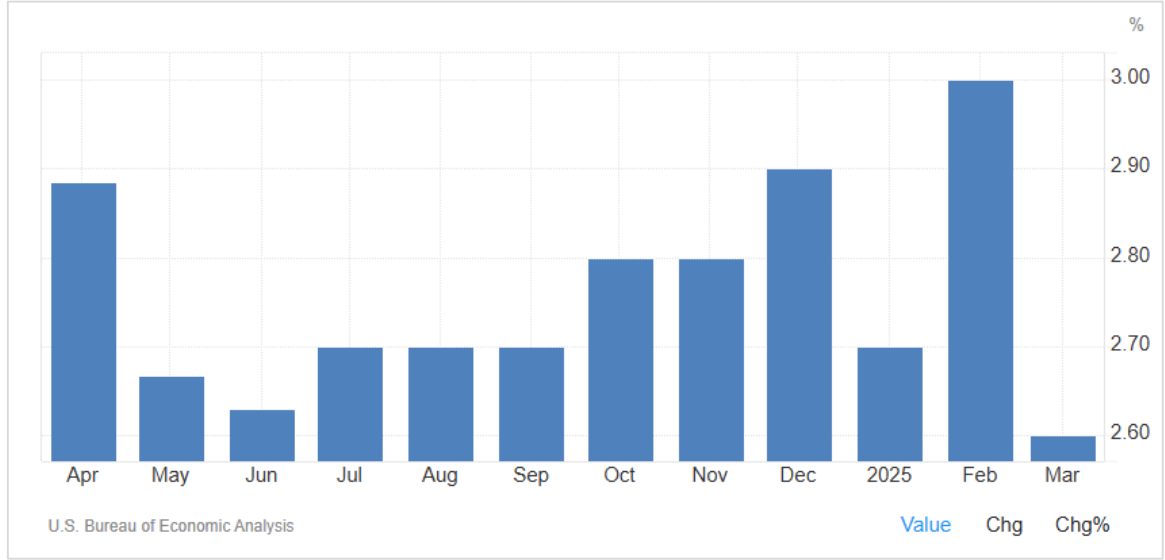
Báo cáo từ Bộ Thương mại Mỹ ngày thứ Sáu cho thấy chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE), thước đo lạm phát được Fed ưa chuộng, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm ngoái và không thay đổi so với tháng trước nhưng vẫn cao hơn mức dự báo là 2,2%.

So với cùng kỳ năm trước, PCE lõi tăng 2,6%, không thay đổi so với tháng trước và phù hợp với dự báo 2,6%.

Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE)



Chỉ số giá tiêu dung cá nhân (PCE) lõi

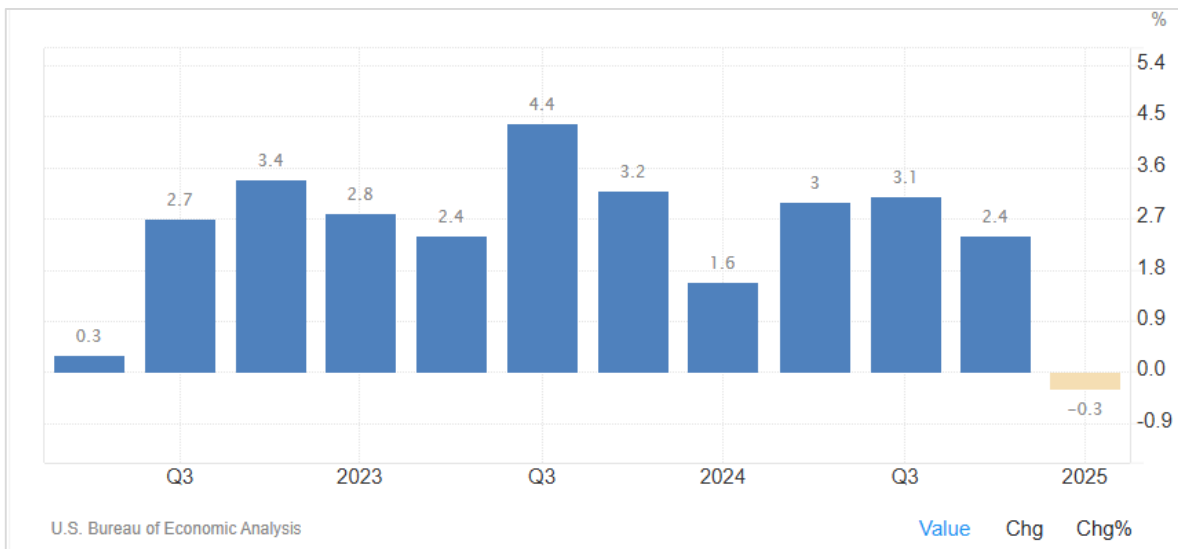


Tốc độ tăng trưởng kinh tế quý 1 của Mỹ giảm

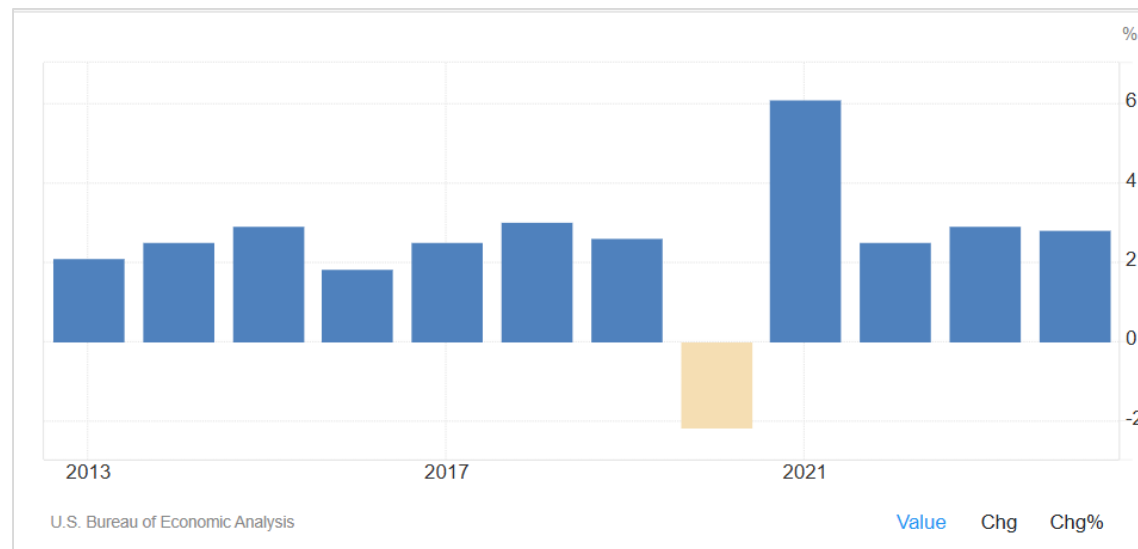
Theo số liệu chính thức từ Bộ Thương mại, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Mỹ đã giảm 0,3% trong quý 1/2025 - một sự đảo chiều đáng báo động so với mức tăng trưởng 2,4% của quý 4 năm 2024. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự suy giảm này là sự bùng nổ của hoạt động nhập khẩu, tăng vọt tới 41% trong quý vừa qua. Hiện tượng này được các chuyên gia phân tích là phản ứng của doanh nghiệp trước những lo ngại về cuộc chiến thương mại toàn cầu đang được Tổng thống Trump thúc đẩy.

Năm 2024, GDP danh nghĩa tăng 2,8%, trong khi GDP thực tế tăng khoảng 2,1% - 2,3% (theo ước tính). Năm 2023, tăng trưởng GDP danh nghĩa là 2,9%, trong khi GDP thực tế là 2,5% (số liệu cuối cùng). Chênh lệch khoảng 0,4% phản ánh lạm phát thấp hơn so với các năm trước đó.

Tăng trưởng GDP theo quý



Tăng trưởng GDP danh nghĩa theo năm



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



ECB hạ lãi suất lần thứ 7, Thổ Nhĩ Kỳ tăng lãi suất lên gần 50%

Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) ngày 17/4 hạ lãi suất về mức thấp nhất trong hơn 2 năm trở lại đây, một động thái được cho là chuẩn bị để ứng phó với tác động kinh tế từ cuộc chiến thương mại mà Tổng thống Mỹ Donald Trump khởi xướng. Mức giảm 0,25 điểm phần trăm đưa lãi suất tham chiếu của khu vực sử dụng đồng euro (eurozone) về mức 2,25%, thấp nhất kể từ năm 2023. Mức lãi suất cao nhất của ECB trước khi bước vào chu kỳ nới lỏng này là 4%, duy trì từ giữa năm 2023 cho tới tháng 6 năm ngoái. Kể từ lần giảm lãi suất đầu tiên vào tháng 6/2024 đến nay, các nhà hoạch định chính sách tiền tệ ở Frankfurt đã có 7 lần hạ lãi suất.

Trong khi ECB đã có 3 lần hạ lãi suất từ đầu năm tới nay, vào tháng 1, tháng 3 và ngày 17/4, Fed đã “án binh bất động” kể từ sau lần giảm vào tháng 12 năm ngoái.

Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) có thể xem xét dừng tăng lãi suất nếu đồng yên của nước này tăng giá gần tới ngưỡng 130 yên đổi 1 USD và khả năng lạm phát duy trì thấp đi - theo một báo cáo của Goldman Sachs. Ngày 17/4, tỷ giá đồng yên có lúc đạt mức cao nhất 7 tháng so với USD, nhưng sau đó yếu đi vì có tin đàm phán thương mại Mỹ - Nhật chưa bàn đến vấn đề tỷ giá tiền tệ.

Lạm phát gần 40%, Thổ Nhĩ Kỳ tăng lãi suất lên gần 50%. Ủy ban Chính sách Tiền tệ Thổ Nhĩ Kỳ cho biết lập trường chính sách tiền tệ thắt chặt sẽ được duy trì cho tới khi giá cả được bình ổn thông qua việc giảm lạm phát ổn định.

Global Central Bank Policy Rates							
Country	Rate	Central Bank Rate (Today)	CPI YoY	Real Central Bank Rate	YoY CPI Trend vs. Prior Reading	Last Move	Last Move Month
Switzerland	Target Rate	0.25%	0.0%	0.3%	Lower	Cut	Mar-25
Japan	Policy Rate Bal	0.50%	3.6%	-3.1%	Lower	Hike	Jan-25
Thailand	Policy Rate	1.75%	-0.2%	2.0%	Lower	Cut	Apr-25
Denmark	Current Account	1.85%	1.5%	0.4%	Unchanged	Cut	Apr-25
Taiwan	Discount Rate	2.00%	2.0%	0.0%	Lower	Hike	Mar-24
Sweden	Repo Rate	2.25%	0.3%	2.0%	Lower	Cut	Jan-25
Eurozone	Deposit Rate	2.25%	2.2%	0.1%	Unchanged	Cut	Apr-25
Canada	Overnight	2.75%	2.3%	0.5%	Lower	Cut	Mar-25
South Korea	Repo Rate	2.75%	2.1%	0.7%	Unchanged	Cut	Feb-25
Malaysia	Policy Rate	3.00%	1.4%	1.6%	Lower	Hike	May-23
China	Loan Prime Rate	3.10%	-0.1%	3.2%	Unchanged	Cut	Oct-24
New Zealand	Cash Rate	3.50%	2.5%	1.0%	Higher	Cut	Apr-25
Czech Republic	Repo Rate	3.50%	1.8%	1.7%	Lower	Cut	May-25
Australia	Cash Rate	4.10%	2.4%	1.7%	Unchanged	Cut	Feb-25
UK	Bank Rate	4.25%	2.6%	1.7%	Lower	Cut	May-25
US	Fed Funds	4.38%	2.3%	2.1%	Lower	Cut	Dec-24
Norway	Deposit Rate	4.50%	2.5%	2.0%	Lower	Hike	Dec-23
Peru	Policy Rate	4.50%	1.7%	2.9%	Higher	Cut	May-25
Hong Kong	Base Rate	4.75%	1.4%	3.4%	Unchanged	Cut	Dec-24
Chile	Base Rate	5.00%	4.5%	0.5%	Lower	Cut	Dec-24
Saudi Arabia	Repo Rate	5.00%	2.3%	2.7%	Unchanged	Cut	Dec-24
Poland	Repo Rate	5.25%	4.3%	1.0%	Lower	Cut	May-25
Philippines	Key Policy Rate	5.50%	1.4%	4.1%	Lower	Cut	Apr-25
Indonesia	Repo Rate	5.75%	2.0%	3.8%	Higher	Cut	Jan-25
India	Repo Rate	6.00%	3.2%	2.8%	Lower	Cut	Apr-25
South Africa	Repo Rate	7.50%	2.7%	4.8%	Lower	Cut	Jan-25
Mexico	Overnight Rate	8.50%	3.9%	4.6%	Higher	Cut	May-25
Colombia	Repo Rate	9.25%	2.2%	7.1%	Higher	Cut	Apr-25
Brazil	Target Rate	14.75%	5.5%	9.2%	Higher	Hike	May-25
Russia	Key Policy Rate	21.00%	10.3%	10.7%	Higher	Hike	Oct-24
Argentina	Overnight Repo	29.00%	47.3%	-18.3%	Lower	Cut	Jan-25
Turkey	Repo Rate	46.00%	37.9%	8.1%	Lower	Hike	Apr-25

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI



Energy	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
Crude OilUSD/Bbl	61.53	-0.7%	-2.0%	-14.2%	-20.8%
BrentUSD/Bbl	64.78	-1.0%	-2.7%	-13.2%	-21.1%
Natural gasUSD/MMBtu	3.334	0.0%	7.7%	-8.2%	20.2%
GasolineUSD/Gal	2.111	-1.3%	0.0%	4.9%	-15.3%
Heating OilUSD/Gal	2.1097	-1.4%	-1.9%	-9.0%	-12.6%
CoalUSD/T	100.4	1.4%	6.0%	-19.8%	-29.9%
TTF GasEUR/MWh	36.5	3.9%	8.7%	-27.7%	7.5%
UK GasGBP/thm	87.477	4.8%	7.7%	-30.2%	6.9%
EthanolUSD/Gal	1.8	3.0%	0.1%	6.5%	0.3%
NaphthaUSD/T	546.22	-1.0%	-0.5%	-10.7%	-17.5%
UraniumUSD/Lbs	71.55	-0.1%	8.2%	-2.0%	-21.9%
PropaneUSD/Gal	0.75	-1.4%	-11.3%	-3.4%	6.1%
MethanolCNY/T	2231	-3.1%	-6.1%	-19.4%	-15.6%
Urals OilUSD/Bbl	58.42	1.8%	-1.6%	-14.7%	-17.5%

Livestock	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
Feeder CattleUSd/Lbs	300.51	1.2%	3.9%	14.2%	15.4%
Live CattleUSd/Lbs	215.84	1.7%	1.2%	12.7%	17.4%
Lean HogsUSd/Lbs	98.3	-2.0%	6.9%	20.9%	4.3%
BeefBRL/15KG	301	-0.5%	-7.1%	-5.2%	35.6%
PoultryBRL/Kgs	8.63	-2.0%	-1.7%	4.0%	18.4%
Eggs USUSD/Dozen	2.92	-15.6%	-7.7%	-49.8%	84.6%
Eggs CHCNY/T	2650	-12.0%	-18.8%	-24.7%	-29.6%
SalmonNOK/KG	89.4	15.6%	5.4%	-4.7%	-1.8%

Agricultural	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
SoybeansUSd/Bu	1060.3	1.0%	0.7%	6.2%	-15.1%
WheatUSd/Bu	543.5	3.5%	2.7%	-1.5%	-22.1%
LumberUSD/1000 board feet	599.1	-0.7%	3.9%	8.9%	13.5%
Palm OilMYR/T	3827	0.4%	-5.2%	-13.9%	-2.3%
CheeseUSD/Lbs	1.986	0.7%	9.7%	4.5%	-0.7%
MilkUSD/CWT	18.58	0.0%	6.4%	-0.7%	0.1%
RubberUSD Cents / Kg	169.5	-1.7%	0.2%	-14.1%	-2.7%
Orange JuiceUSd/Lbs	273.15	8.5%	8.3%	-45.1%	-43.9%
CoffeeUSd/Lbs	359.76	-4.0%	-11.3%	12.3%	64.9%
CottonUSd/Lbs	66.046	1.5%	-1.6%	-3.4%	-17.8%
RiceUSD/cwt	13.145	2.6%	0.3%	-6.3%	-28.2%
CanolaCAD/T	716.71	1.8%	2.8%	17.7%	6.7%
OatUSd/Bu	353.51	3.2%	-1.4%	7.0%	-5.7%
WoolAUD/100Kg	1203	1.2%	-2.4%	4.3%	6.5%
SugarUSd/Lbs	17.31	-1.0%	-4.8%	-10.3%	-7.5%
CocoaUSD/T	9815.5	-10.2%	5.5%	-14.7%	20.8%
TeaINR/Kgs	190.63	-2.1%	5.0%	12.1%	-1.9%
Sunflower OilUSD/T	1310.1	0.0%	-0.9%	3.3%	49.0%
RapeseedEUR/T	488.27	0.9%	-5.7%	-4.3%	-0.4%
BarleyINR/T	2311.5	-0.7%	-2.5%	-4.7%	7.8%
ButterEUR/T	7388	0.3%	-0.2%	1.2%	11.3%
PotatoesEUR/100KG	9.6	-30.4%	-45.1%	-67.1%	-72.7%
CornUSd/BU	459	3.5%	-3.8%	0.1%	-1.2%

Nguồn: Update 23/05, tradingeconomics, MBS Research

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI



Metals	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
GoldUSD/t.oz	3358	4.8%	0.3%	28.0%	43.9%
SilverUSD/t.oz	33.455	3.7%	-0.5%	15.9%	10.3%
CopperUSD/Lbs	4.8294	6.1%	-1.0%	21.3%	1.6%
SteelCNY/T	3081	-0.8%	1.3%	-6.9%	-14.5%
LithiumCNY/T	63050	-2.3%	-9.8%	-16.0%	-40.2%
Iron Ore CNYCNY/T	716	-1.3%	0.2%	-8.1%	-21.2%
PlatinumUSD/t.oz	1085.1	10.2%	12.2%	21.4%	4.9%
HRC SteelUSD/T	903	0.9%	3.3%	27.4%	16.5%
Iron OreUSD/T	99.81	-0.3%	-0.2%	-3.7%	-15.2%
TitaniumCNY/KG	50.5	0.0%	2.0%	13.5%	-1.0%

Index	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
CRB IndexIndex Points	362.79	0.3%	-0.1%	1.7%	5.6%
LME IndexIndex Points	4109.4	0.9%	1.8%	5.2%	-7.9%
GSCIIndex Points	535	0.4%	-0.3%	-2.7%	-8.0%
SSE Consume Commodity	7859.7	-0.6%	0.6%	-0.2%	-4.6%
Containerized Freight	1586.1	7.2%	15.7%	-35.5%	-41.3%
Nuclear Energy IndexUSD	31.98	17.2%	31.3%	19.5%	-0.7%
Solar Energy IndexUSD	31.73	-9.3%	9.2%	-5.8%	-33.5%
EU Carbon PermitsEUR	71.56	0.8%	7.9%	-2.0%	-5.6%
Wind Energy IndexUSD	16.82	0.2%	7.9%	13.7%	-2.2%

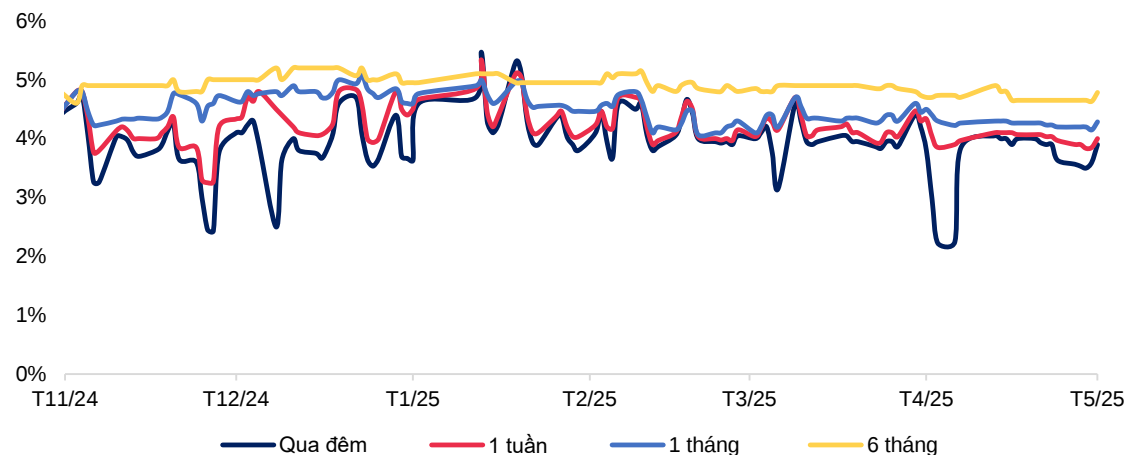
Industrial	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
BitumenCNY/T	3516	1.6%	3.2%	-4.7%	-3.9%
CobaltUSD/T	33700	0.0%	0.0%	38.7%	24.1%
LeadUSD/T	1996.7	-0.3%	1.7%	2.3%	-13.1%
AluminumUSD/T	2472.4	-0.3%	0.5%	-3.1%	-7.1%
TinUSD/T	32378	-1.8%	3.4%	11.3%	-3.2%
ZincUSD/T	2708	0.6%	0.3%	-9.1%	-11.4%
NickelUSD/T	15570	-0.2%	-2.0%	1.8%	-23.1%
MolybdenumCNY/Kg	461.5	0.0%	2.2%	-1.6%	-7.7%
PalladiumUSD/t.oz	994	3.3%	4.9%	11.8%	2.7%
RhodiumUSD/t oz.	5325	-3.2%	-0.9%	16.4%	12.7%
PolyethyleneCNY/T	7153	-4.7%	-2.8%	-16.1%	-15.5%
PolyvinylCNY/T	4797	-1.2%	-1.0%	-2.6%	-25.0%
PolypropyleneCNY/T	7046	-2.8%	-1.9%	-4.5%	-8.0%
Soda AshCNY/T	1394	0.4%	-0.4%	-8.8%	-34.6%
NeodymiumCNY/T	532500	-2.5%	1.6%	7.1%	8.7%
TelluriumCNY/Kg	740	0.0%	0.0%	14.7%	26.0%
UreaUSD/T	458.75	-3.2%	4.3%	35.9%	61.0%
Di-ammoniumUSD/T	662.5	1.5%	3.5%	14.7%	26.6%
MagnesiumCNY/T	18100	-1.6%	2.8%	6.5%	-7.7%
GalliumCNY/Kg	1725	0.0%	-2.8%	-16.9%	-25.2%
GermaniumCNY/Kg	15000	0.0%	-2.6%	-14.5%	53.9%
ManganeseCNY/mtu	30.05	-0.7%	-2.3%	4.5%	-26.3%
IndiumCNY/Kg	2495	-1.2%	-7.6%	-2.0%	-18.9%
Kraft PulpCNY/T	5446	1.5%	-0.5%	-7.1%	-11.6%

Nguồn: Update 23/05, tradingeconomics, MBS Research

Lãi suất

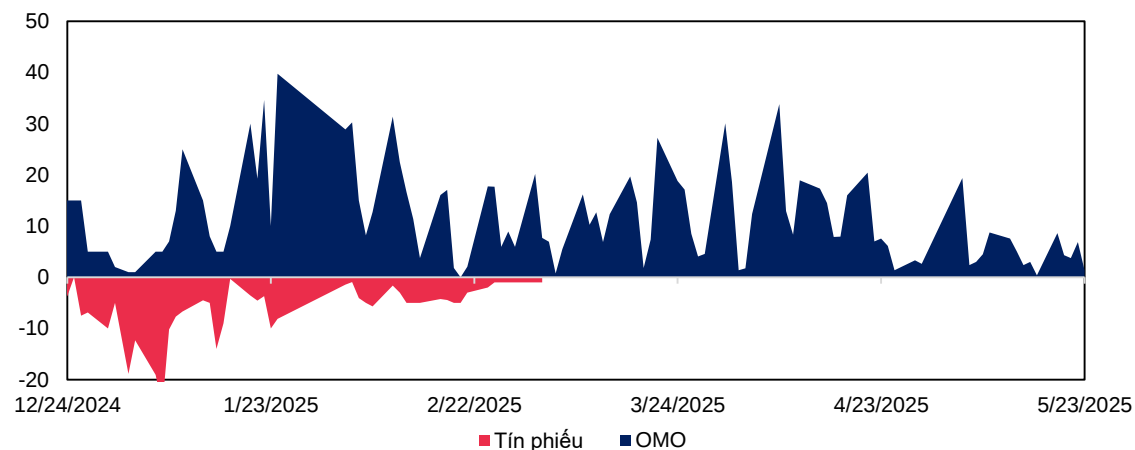
- Tuần vừa qua, NHNN tiếp tục hút ròng nhưng quy mô đã giảm mạnh 96% so với tuần trước. Cụ thể, Nhà điều hành đã bơm ra thị trường gần 25 nghìn tỷ đồng thông qua kênh OMO với kỳ hạn 7, 14, 35, 91 ngày và lãi suất 4%. Cùng với đó, khối lượng đáo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá trong kỳ đạt gần 26.3 nghìn tỷ đồng. Theo đó, NHNN đã hút ròng hơn 1.3 nghìn tỷ đồng trong tuần 19/5 – 23/5. Tính từ đầu tháng 5, NHNN đã hút ròng gần 26.5 nghìn tỷ đồng.
- Sau động thái hút ròng của NHNN, lãi suất liên ngân hàng đã tăng trở lại trong tuần vừa rồi. Cụ thể, lãi suất qua đêm tăng 3 điểm cơ bản so với cuối tuần trước, hiện đang ở mức 3.9%. Các kỳ hạn dưới 1 tháng hiện dao động trong khoảng 4% - 4.3%, trong khi lãi suất kỳ hạn dài 6 tháng đang giao dịch ở mức 4.8%.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

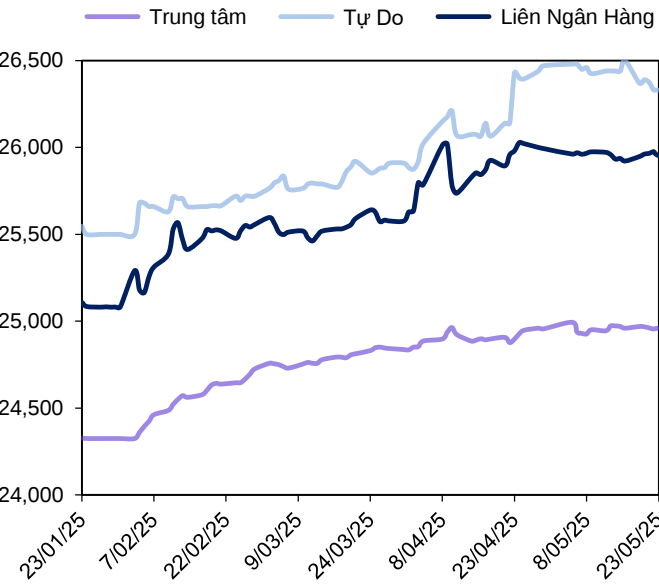


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

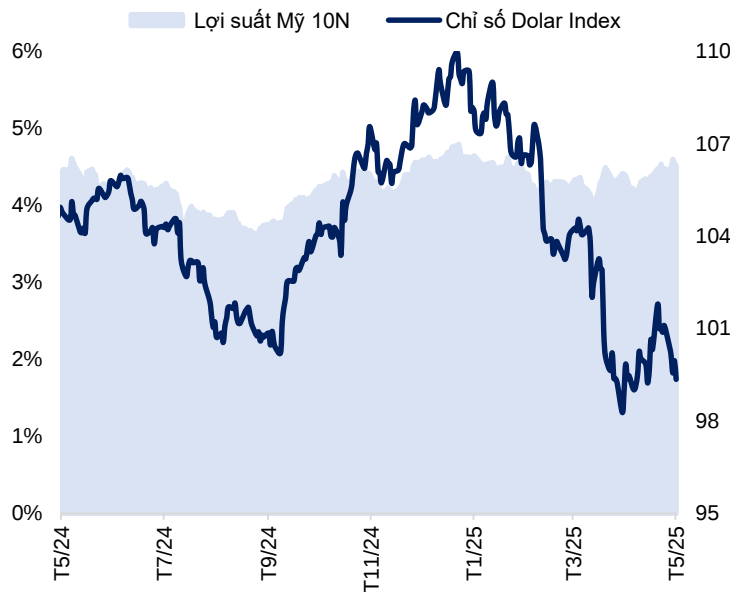
Tuần vừa qua, chỉ số DXY tiếp tục đà giảm, cuối tuần chỉ số DXY ở mức 99.3, giảm 2% so với cuối tuần trước sau khi Mỹ bị hạ xếp hạng tín nhiệm. Dự luật thuế của Tổng thống Trump được Hạ viện thông qua kéo theo lo ngại về nợ công của Mỹ khiến Mỹ bị hạ xếp hạng tín nhiệm, đồng thời làm giảm sức mạnh của đồng bạc xanh. Ngoài ra, kết quả đàm phán với các đồng minh lâu năm chậm trễ và Mỹ dọa áp thuế 50% đối với EU thúc đẩy căng thẳng thương mại. Về tình hình kinh tế, chỉ số PMI sơ bộ đã tăng lên 52.1 điểm so với mức 50.6 vào tháng 4 cho thấy tâm lý kinh doanh đã cải thiện và tăng kỳ vọng vào sự phục hồi của nền kinh tế Mỹ trong Q2/2025. Trong nước, tỷ giá liên ngân hàng ở mức 25,954 VND/USD (+2% so với đầu năm). Tỷ giá tại thị trường tự do hiện đang ở mức 26,336 VND/USD (+2.3% so với đầu năm), và tỷ giá trung tâm niêm yết tại 24,955 VND/USD (+2.5% so với đầu năm).

Tỷ giá USD/VND



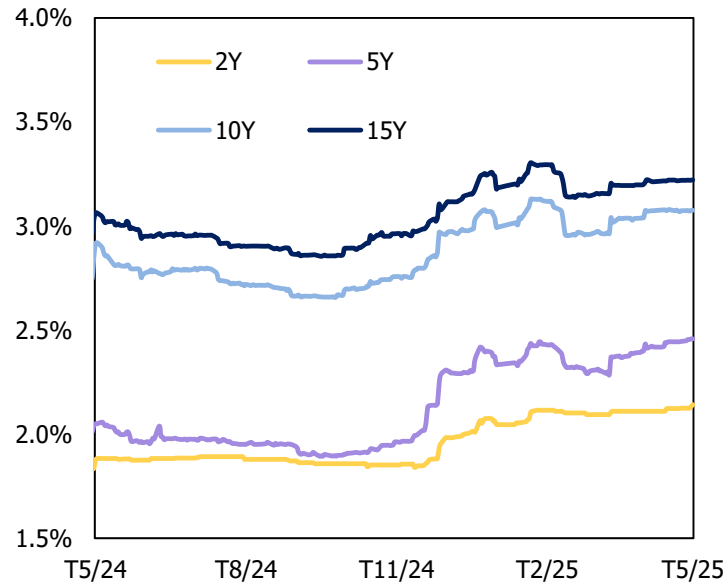
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP



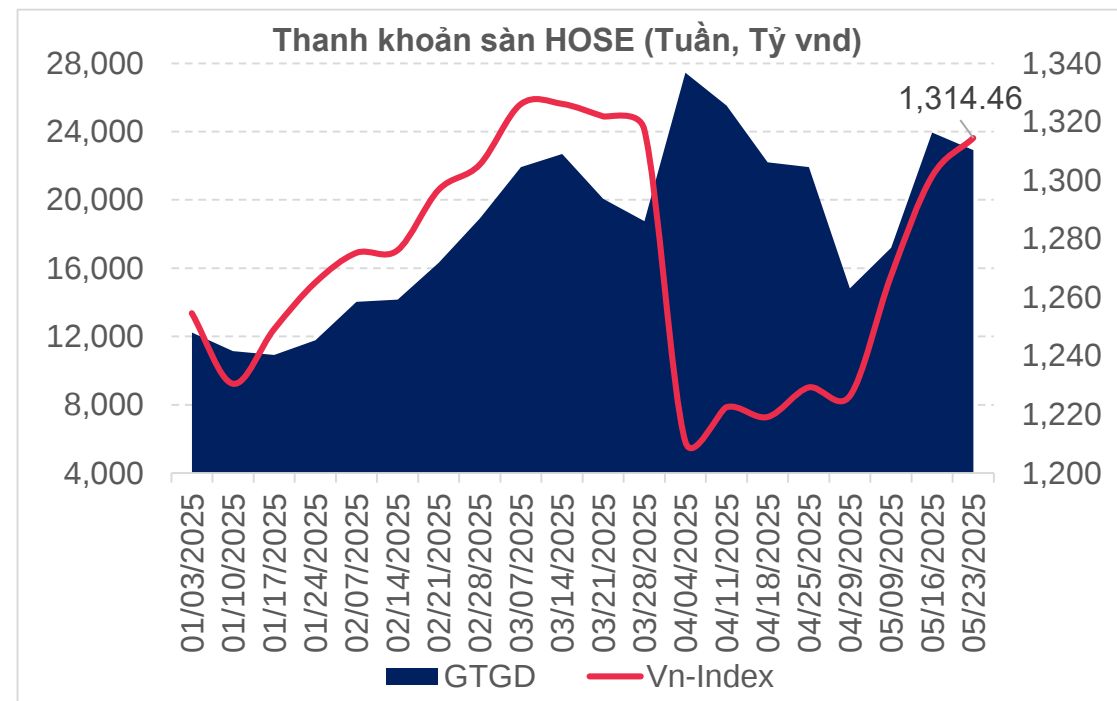
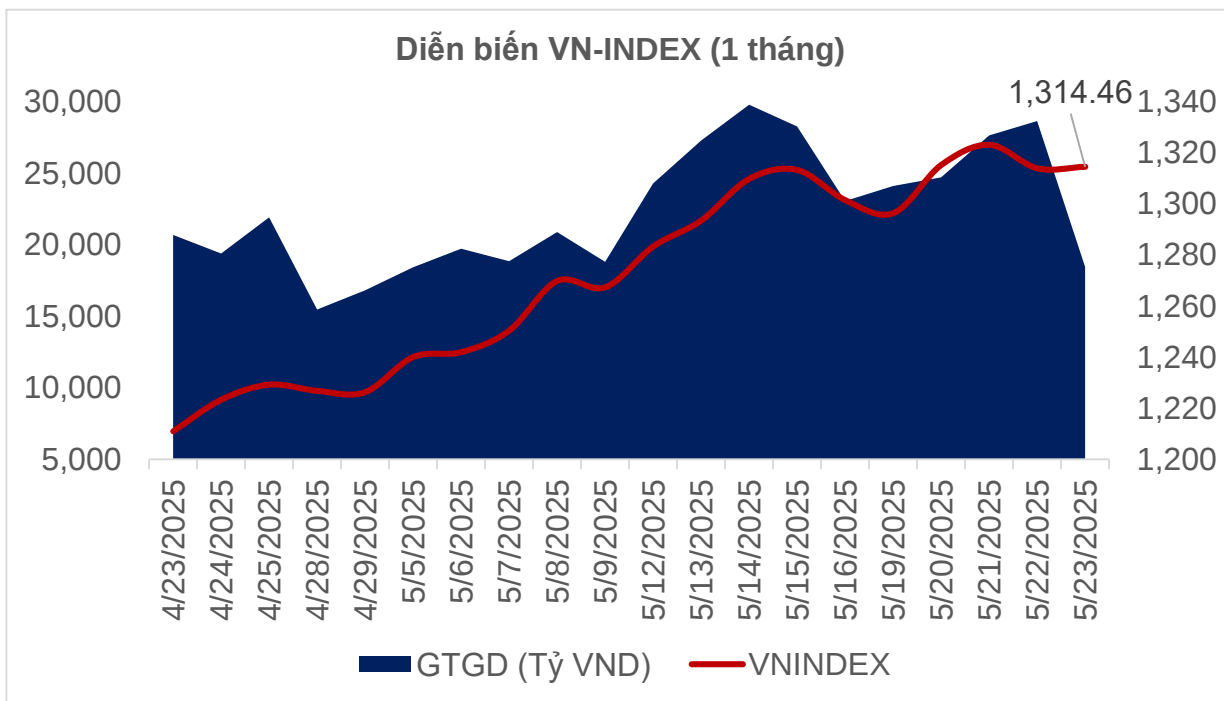
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Vn-Index tăng thêm 13 điểm nhờ đóng góp hơn 22 điểm từ cổ phiếu VIC và VHM, thanh khoản giảm mạnh ở phiên cuối tuần

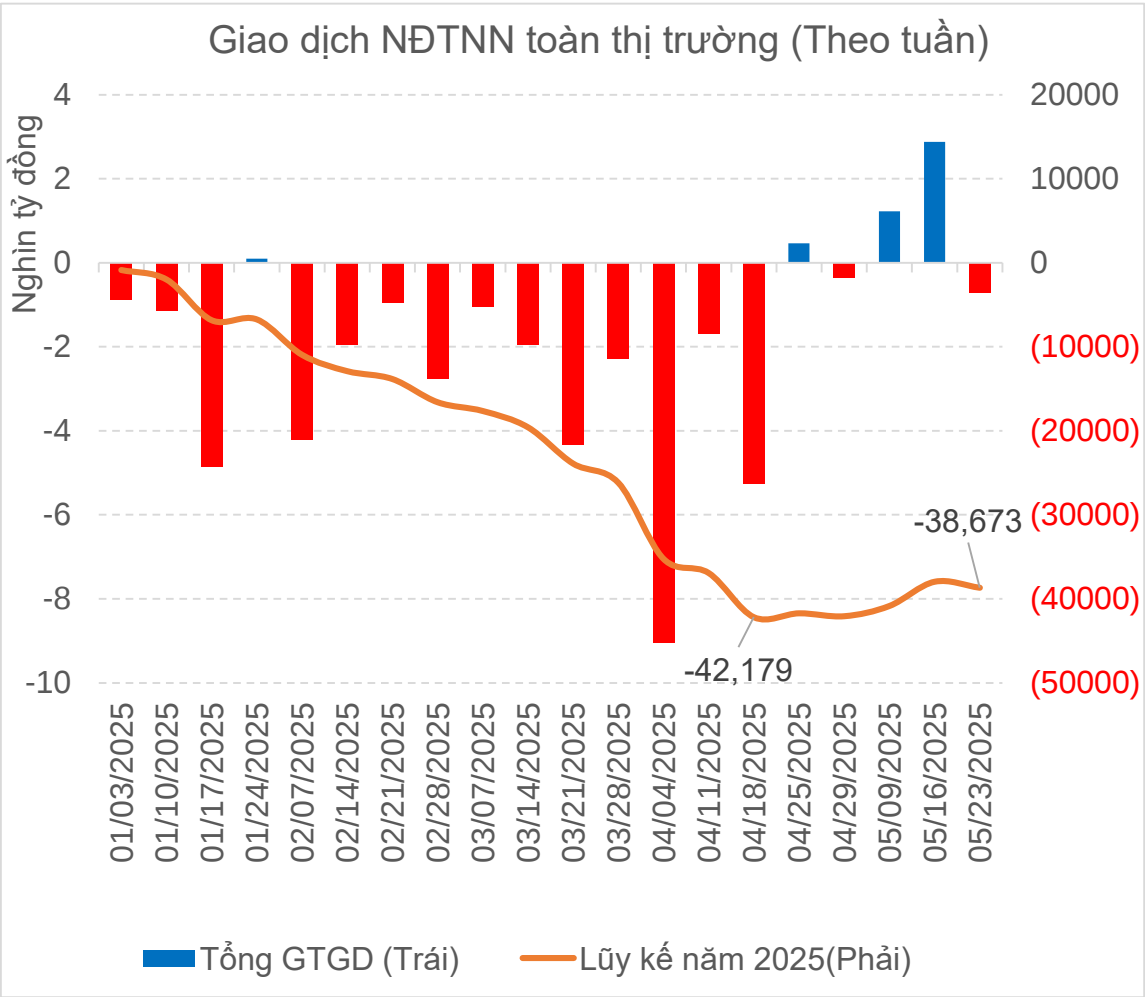
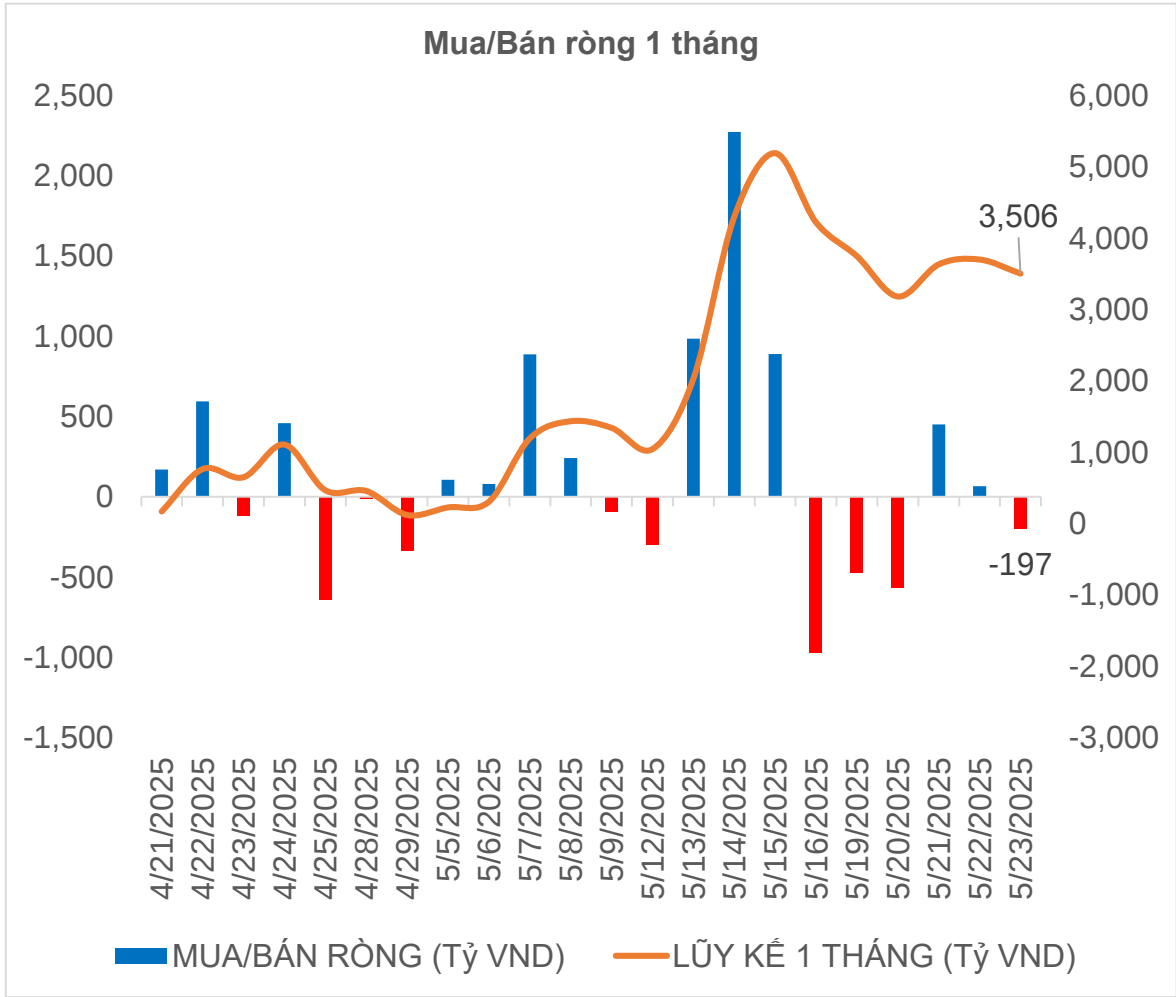
Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở 1.314,46 điểm, tăng +13,07 điểm, tương đương tăng +1% so với tuần trước, ghi nhận tuần tăng thứ 3 liên tiếp, có thời điểm chỉ số này đã chạm vùng đỉnh cũ 1.330 -1.340 điểm khi đạt ngưỡng cao nhất 1.331,93 điểm. Nhóm cổ phiếu Bluechips (VN30) có mức phục hồi tốt nhất, tăng +1,8%, trong khi nhóm cổ phiếu nhỏ (Smallcap) và nhóm cổ phiếu trung bình (Midcap) có mức tăng lần lượt +0,74% và +0,64%.

Độ rộng thị trường ở tuần vừa qua không còn tích cực như 2 tuần trước đó, mặt bằng cổ phiếu có sự phân hóa rõ nét khi mức tăng tập trung phần lớn ở nhóm Vingroup (+16,15%). Chỉ số Vn-Index tăng thêm 13 điểm, trong đó 2 cổ phiếu VIC (+16,25%) và VHM (+18,62%) đóng góp tới 22,56 điểm. Một số nhóm cổ phiếu duy trì đà tăng như: Hàng không, Cảng biển/Logistics, ... Ngược dòng thị trường là các nhóm cổ phiếu như: Viettel (-5,58%), Công nghệ (-3,22%), ...

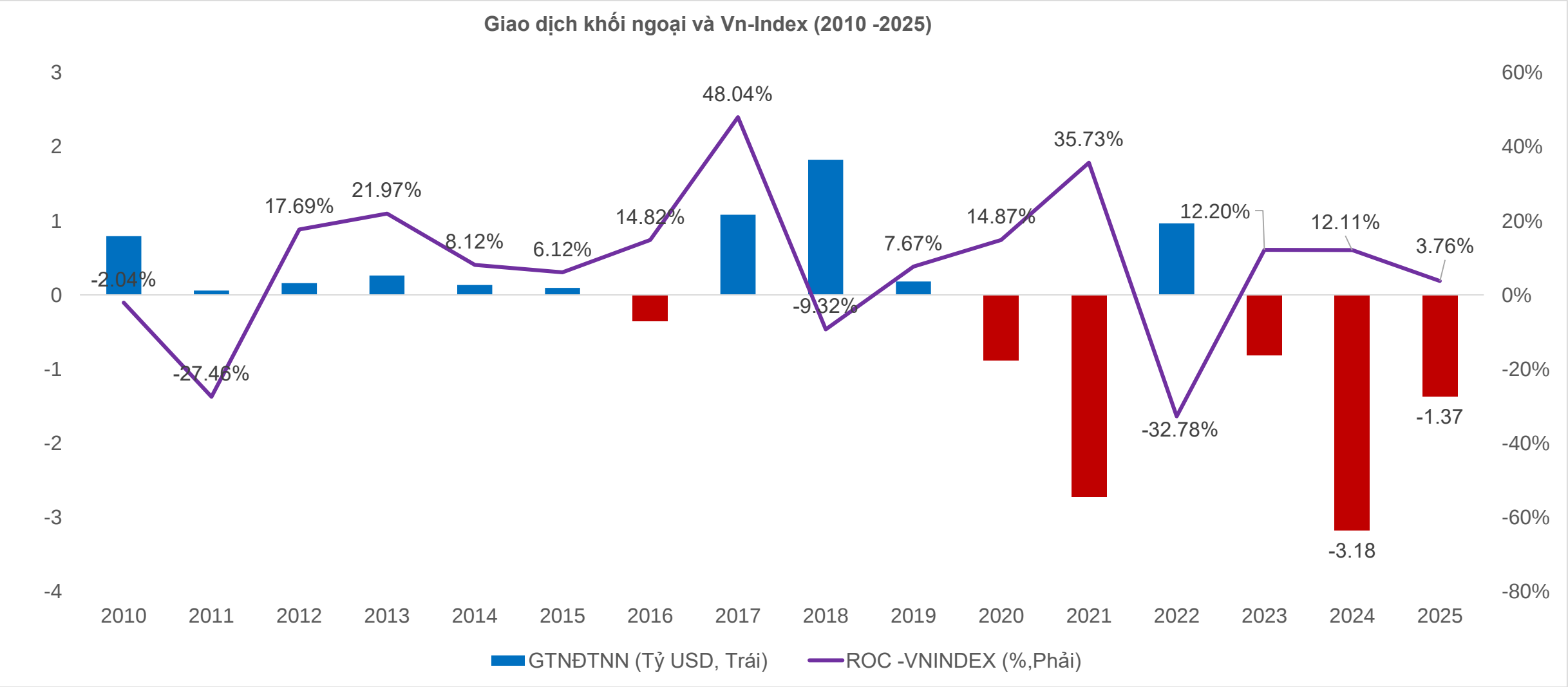
Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua còn 24.707 tỷ đồng, giảm -6,8% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng sụt -4,6% còn 22.383 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tháng 5 đạt 23.523 tỷ đồng, giảm -8% so với tháng 4 và thấp hơn -6,1% so với cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 20.504 tỷ đồng, giảm -15% so với cùng kỳ và sụt -2,74% so với mức bình quân năm 2024.



Khối ngoại bán ròng -718 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm trên toàn thị trường, khối ngoại bán ròng -38.673 tỷ đồng



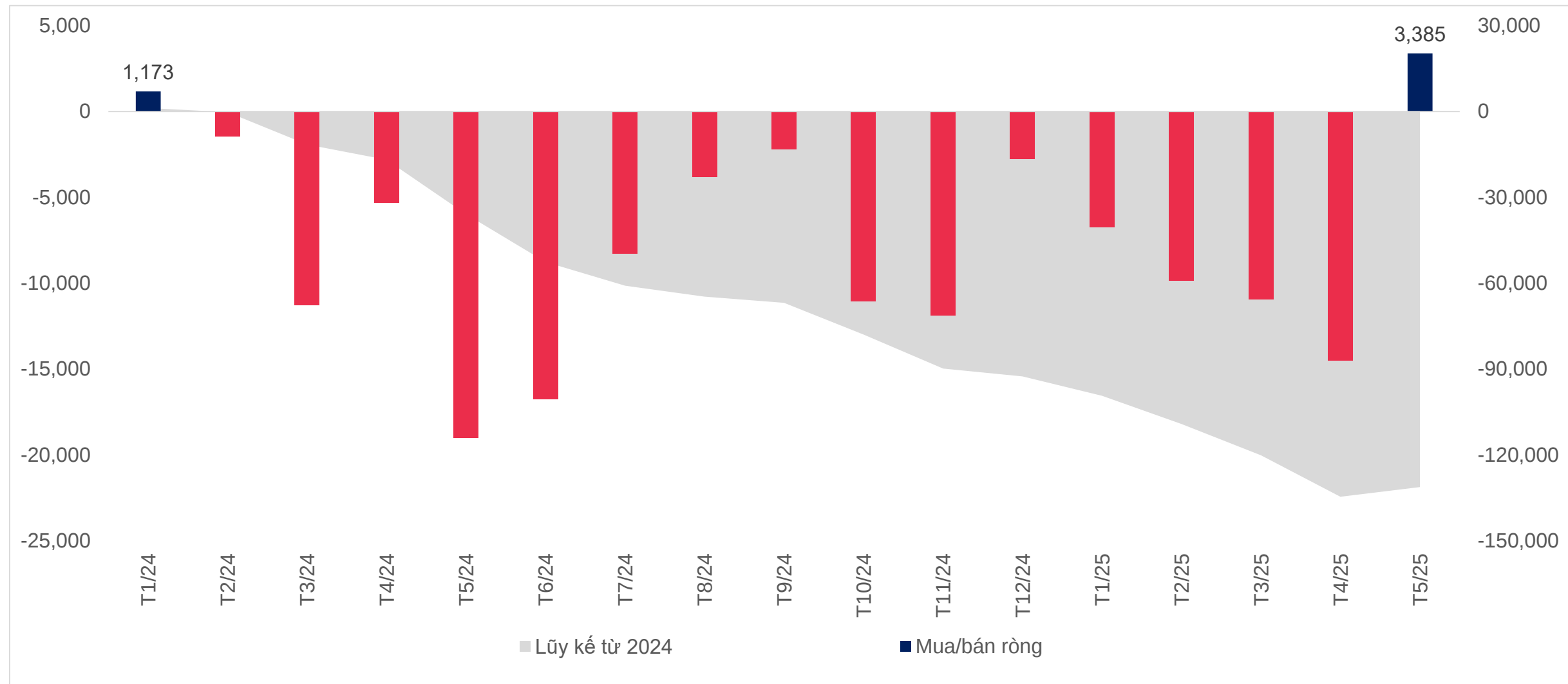
Năm ngoái khối ngoại bán ròng kỷ lục 3,2 tỷ USD trên sàn HOSE, kể từ đầu năm nay khối ngoại chỉ còn bán ròng 1,37 tỷ USD



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Tháng 5 đánh dấu tháng đầu tiên khối ngoại quay lại mua ròng kể từ tháng 1/2024 (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Dòng vốn quốc tế đang có dấu hiệu quay trở lại với thị trường Đông Nam Á, Đài Loan và Ấn Độ trong bối cảnh một số đồng tiền Châu Á tăng giá so với đồng USD.

Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M
Asia (11)							
China	31-Mar-25			4,272	8,606	8,606	19,065
India	21-May-25	266	-800	2,253	3,524	-10,013	-8,168
Indonesia	22-May-25	38	94	210	-1,023	-2,853	-1,661
Japan	16-May-25		4,907	7,927	34,405	-2,941	-39,122
Malaysia	22-May-25	-49	-83	486	69	-2,173	-3,235
Philippines	22-May-25	2	-34	5	-49	-259	-378
S. Korea	23-May-25	-62	-244	661	-6,233	-11,604	-24,803
Sri Lanka	22-May-25	1.0	3.6	2	4	-31	-38
Taiwan	22-May-25	108	748	8,117	7,947	-10,342	-35,663
Thailand	22-May-25	43	76	-67	-499	-1,671	-3,866
Vietnam	22-May-25	4	-17	145	-367	-1,371	-3,238

Đồng nội tệ của các nước Châu Á so với đồng USD (%)

Country Spot	5 Day	1 Mon	3 Mon	6 Mon	Year-Dt
Malaysian Ringgit(MYR)	1.47	3.72	4.41	5.64	5.69
Indonesian Rupiah(IDR)	1.34	3.96	0.51	-2.14	-0.74
Thai Baht(THB)	2.04	2.60	3.18	6.13	4.66
Japanese Yen(JPY)	1.62	0.05	4.11	7.95	9.64
Singapore Dollar(SGD)	1.14	2.35	3.95	4.74	6.21
Hong Kong Dollar(HKD)	-0.22	-0.91	-0.78	-0.60	-0.80
Chinese Renminbi(CNY)	0.44	1.47	0.98	0.92	1.64
Indian Rupee(INR)	0.35	0.24	1.75	-0.90	0.46
Offshore Chinese Renminbi(CNH)	0.46	1.50	1.08	1.15	2.24
Vietnamese Dong(VND)	-0.12	0.10	-1.67	-2.05	-1.81
Taiwanese Dollar(TWD)	0.48	8.26	9.17	8.63	9.27
Philippine Peso(PHP)	0.69	2.36	4.85	6.60	4.66
South Korean Won(KRW)	2.41	4.26	4.77	2.72	7.54

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Dòng vốn qua các quỹ ETF có tín hiệu mua ròng ở các quỹ Diamond và DCVFMVN30

	MTD Return	YTD Return	1 Yr Return	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)	1Y Flow (M USD)
VanEck Vietnam ETF	9.44%	15.07%	2.40%	0.00	0.00	-34.30	-61.44	-119.07
SSIAM VNFIN LEAD ETF	8.00%	6.29%	12.39%	-0.36	-0.36	-2.40	-2.64	-20.32
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	9.94%	2.79%	-4.20%	0.00	-2.71	-4.78	-11.53	-55.49
DCVFMVN30 ETF Fund	8.13%	5.41%	9.46%	0.00	3.00	-25.03	-44.64	-80.87
Fubon FTSE Vietnam ETF	1.79%	2.49%	-2.93%	-5.53	-6.08	-98.88	-105.43	-281.03
DCVFMVN Diamond ETF	9.21%	-4.09%	0.00%	6.82	2.97	-37.07	-38.29	-120.69
MAFN VN30 ETF	8.55%	5.28%	10.44%	0.00	0.06	0.37	3.40	14.94
KIM Growth VN30 ETF	7.69%	4.57%	8.69%	-0.07	-0.07	1.97	3.01	36.89

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



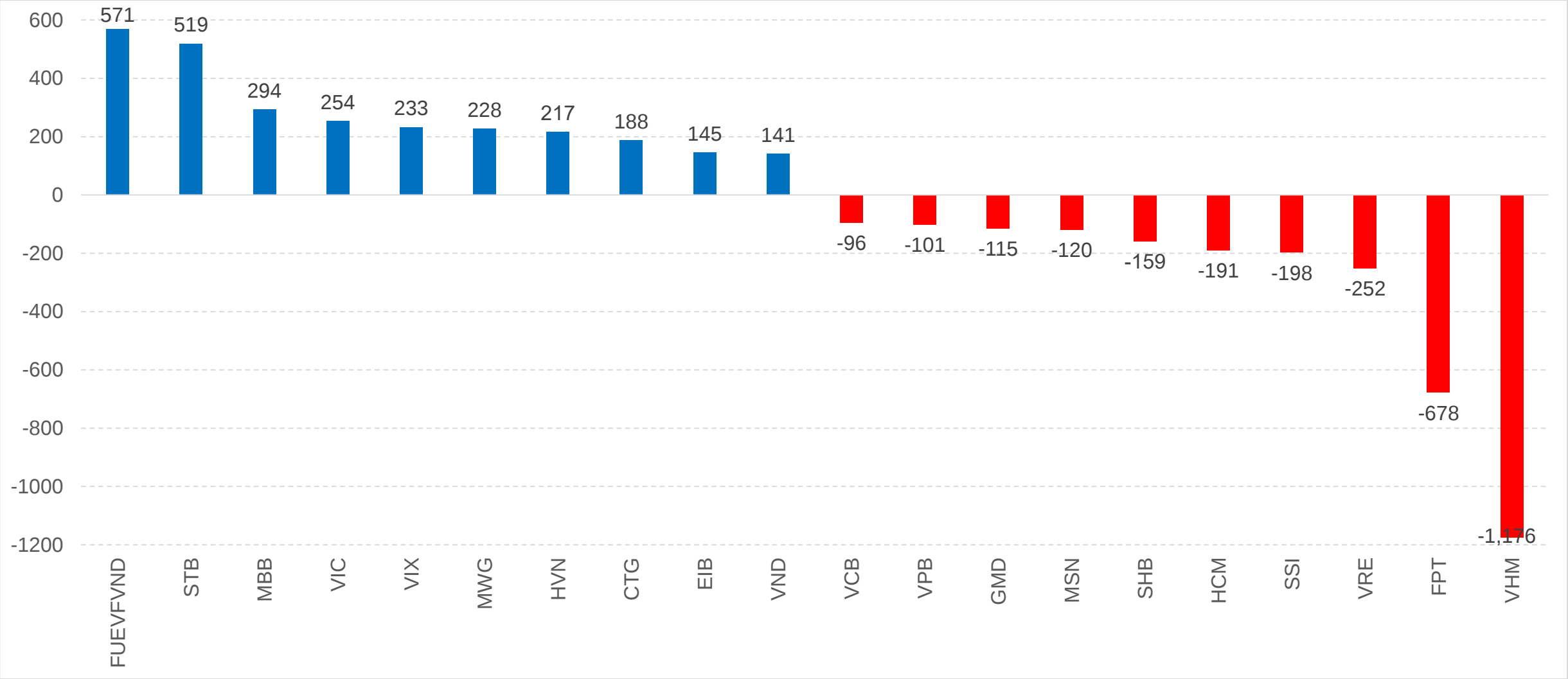
Dòng vốn ETF ở các thị trường lớn khu vực Châu Á

Asset Group (M USD)	1D	1W	1M	3M	YTD	1Y	3Y	5Y
China	-148	-3,274	-5,576	15,111	11,499	105,699	215,672	286,114
Hong Kong	203	-865	-926	2,118	-291	1,983	26,135	52,123
India	75	209	1,106	1,417	427	5,798	26,198	27,315
Indonesia		-1	-1	100	142	96	65	102
Japan	-673	-3,765	3,232	11,453	13,088	1,952	36,361	97,164
Malaysia		13	48	-23	-34	7	33	35
Pakistan			-1	-1	-2	-4	11	1
Philippines			11	12	13	-14	-10	19
Singapore	5	34	96	-101	93	351	292	1,032
South Korea	-85	393	1,379	2,537	5,048	10,389	44,192	43,359
Taiwan	115	423	2,184	11,913	15,681	27,618	43,075	56,748
Vietnam	-2	-5	-7	-208	-268	-689	-271	432
Thailand			8	-48	-34	-87	-145	-13
ASEAN Countries		-9	-50	-125	-104	173	285	309
Asian Pacific Region	4	-7	5	161	-31	-1,044	-811	2,424
Asian Pacific Region ex Japan	-14	-18	310	1,304	1,944	-1,225	-8,805	8,423
Greater China	-8	10	107	1,181	1,055	1,632	2,646	-108
South East Asia Region		-4	-58	-104	-104	213	230	228

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



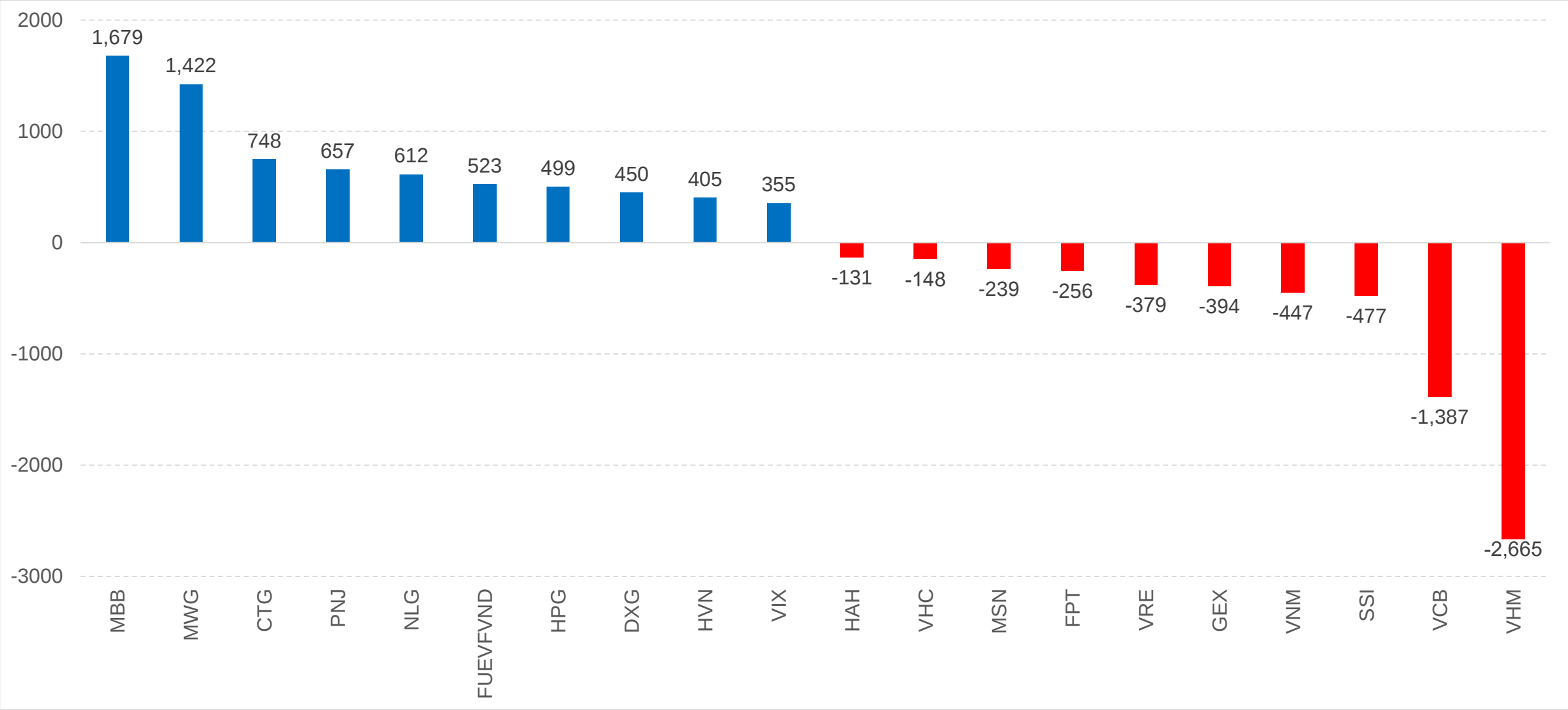
Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE 1 tháng qua (Tỷ VND)



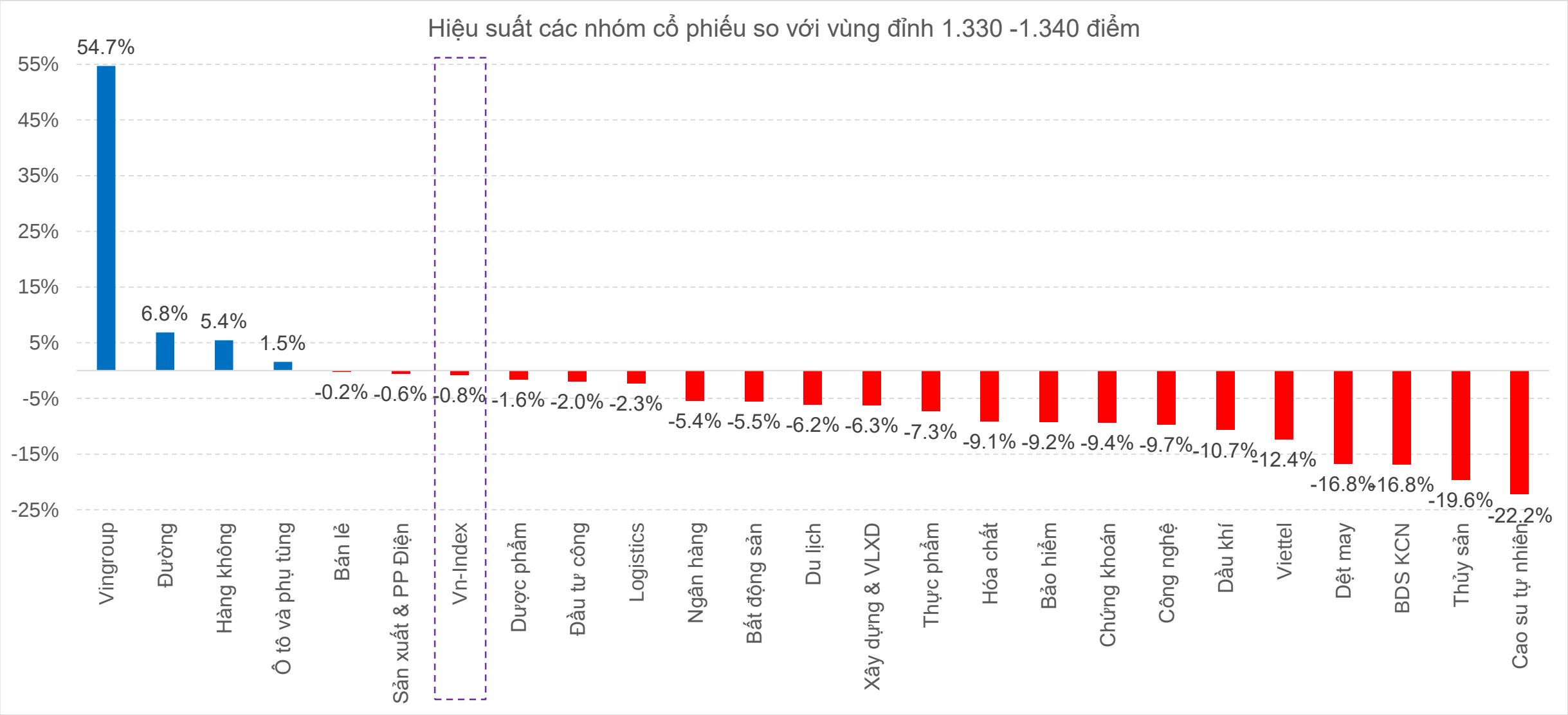
Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	05/23/2025	05/16/2025	05/09/2025	04/29/2025	04/25/2025
Dầu khí	-18.5%	-14.1%	142.0%	-48.4%	-14.8%
Ngân hàng	-14.4%	91.0%	27.7%	-45.4%	13.2%
Chứng khoán	-2.4%	58.8%	41.8%	-56.7%	-6.2%
Bất động sản	20.2%	-10.2%	60.8%	-35.7%	20.5%
Dệt may	-21.5%	11.6%	44.1%	-35.4%	-4.2%
Bán lẻ	-22.8%	53.8%	3.7%	-26.7%	3.1%
Vingroup	13.3%	28.9%	-21.6%	-27.1%	15.0%
Xây dựng & VLXD	-36.3%	80.9%	30.2%	-49.9%	-15.4%
Thực phẩm	-7.3%	39.2%	-18.1%	-23.2%	7.9%
Thủy sản	-37.1%	42.2%	12.0%	-22.1%	-6.9%
Logistics	10.4%	0.2%	-21.5%	30.3%	-14.1%
Dược phẩm	42.0%	-8.8%	55.4%	-5.0%	27.5%
Sản xuất & PP Điện	10.4%	7.6%	145.9%	-48.2%	9.6%
Đầu tư công	32.3%	28.0%	89.8%	-60.8%	-3.7%
Hóa chất	-2.9%	9.7%	73.4%	-38.3%	-11.6%
Cao su tự nhiên	-31.4%	5.8%	50.1%	-45.9%	-11.2%
Bảo hiểm	-12.8%	-25.7%	144.6%	-59.3%	24.7%
Ô tô và phụ tùng	-6.8%	30.9%	62.6%	-26.0%	4.9%
Dịch vụ	34.8%	-15.7%	47.0%	-28.4%	-31.5%
BDS KCN	-11.3%	5.2%	85.0%	-47.4%	-23.3%
Viettel	-13.6%	11.1%	17.3%	-33.5%	42.7%
Du lịch	-2.0%	2.2%	16.9%	-0.9%	-22.2%
Công nghệ	-26.2%	29.4%	132.1%	-48.2%	-36.0%
Đường	-2.8%	8.0%	-6.7%	-18.8%	-25.2%

Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	05/23/2025	05/16/2025	05/09/2025	04/29/2025	04/25/2025
Dầu khí	1.6%	1.8%	3.0%	1.6%	1.8%
Ngân hàng	27.0%	29.2%	21.3%	21.9%	23.8%
Chứng khoán	14.8%	14.0%	12.3%	11.4%	15.6%
Bất động sản	10.6%	8.1%	12.7%	10.3%	9.5%
Dệt may	0.5%	0.6%	0.7%	0.7%	0.6%
Bán lẻ	4.1%	5.0%	4.5%	5.7%	4.6%
Vingroup	9.5%	7.7%	8.4%	14.0%	11.4%
Xây dựng & VLXD	4.7%	6.8%	5.2%	5.3%	6.3%
Thực phẩm	3.6%	3.6%	3.6%	5.8%	4.5%
Thủy sản	0.4%	0.6%	0.6%	0.7%	0.6%
Logistics	2.5%	2.1%	3.0%	5.0%	2.3%
Dược phẩm	0.4%	0.2%	0.4%	0.3%	0.2%
Sản xuất & PP Điện	1.9%	1.6%	2.0%	1.1%	1.2%
Đầu tư công	3.5%	2.5%	2.7%	1.9%	2.8%
Hóa chất	3.2%	3.1%	3.9%	2.9%	2.8%
Cao su tự nhiên	0.2%	0.3%	0.4%	0.3%	0.4%
Bảo hiểm	0.2%	0.2%	0.4%	0.2%	0.3%
Ô tô và phụ tùng	0.8%	0.8%	0.9%	0.7%	0.6%
Dịch vụ	1.4%	1.0%	1.6%	1.5%	1.2%
BDS KCN	2.8%	2.9%	3.9%	2.8%	3.1%
Viettel	1.1%	1.1%	1.4%	1.6%	1.4%
Du lịch	0.0%	0.0%	0.0%	0.1%	0.0%
Công nghệ	5.0%	6.2%	6.7%	3.8%	4.4%
Đường	0.3%	0.3%	0.3%	0.5%	0.3%

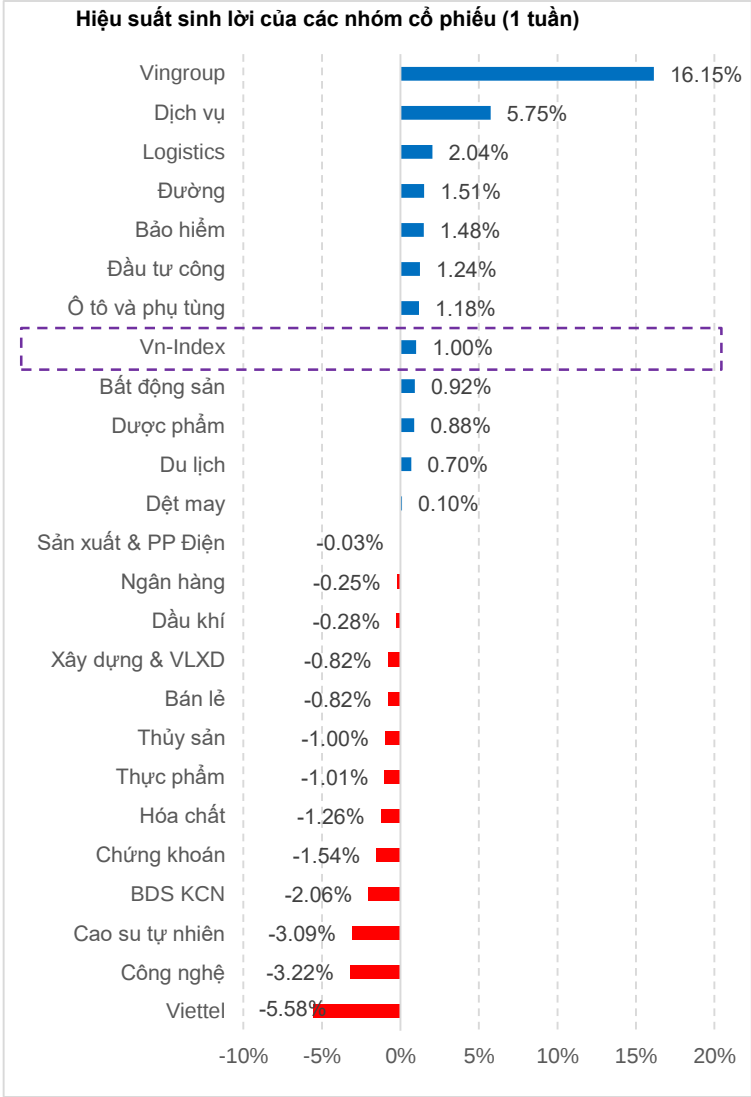
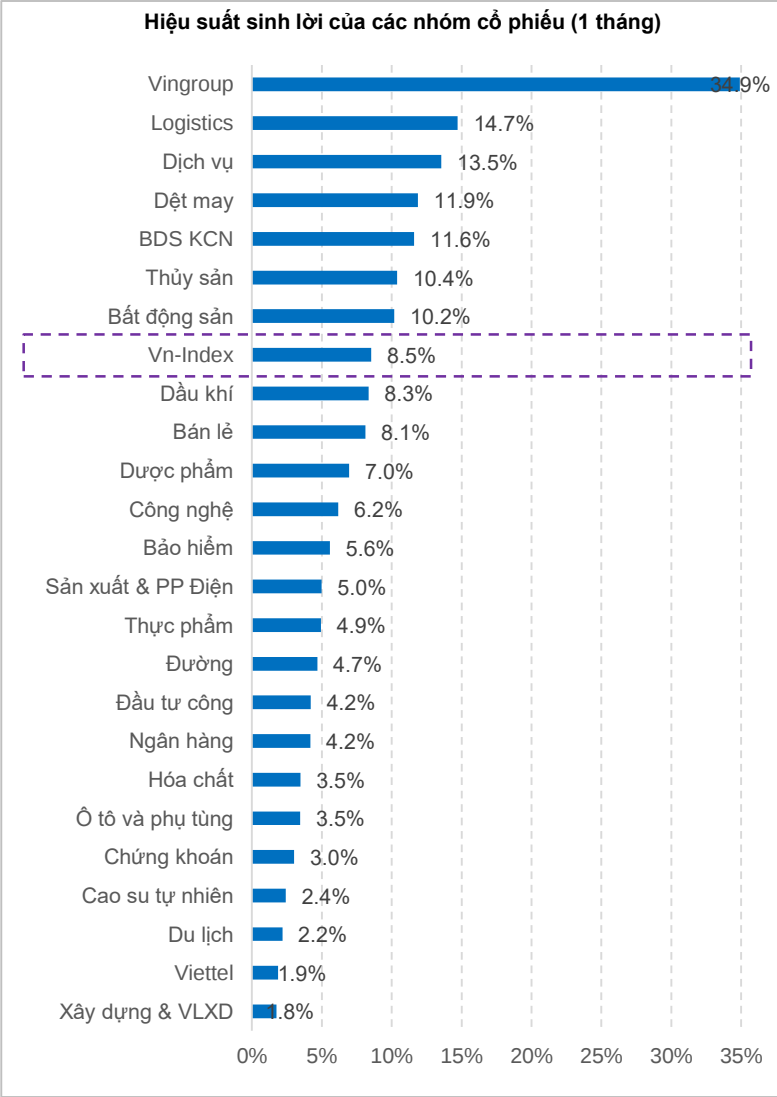
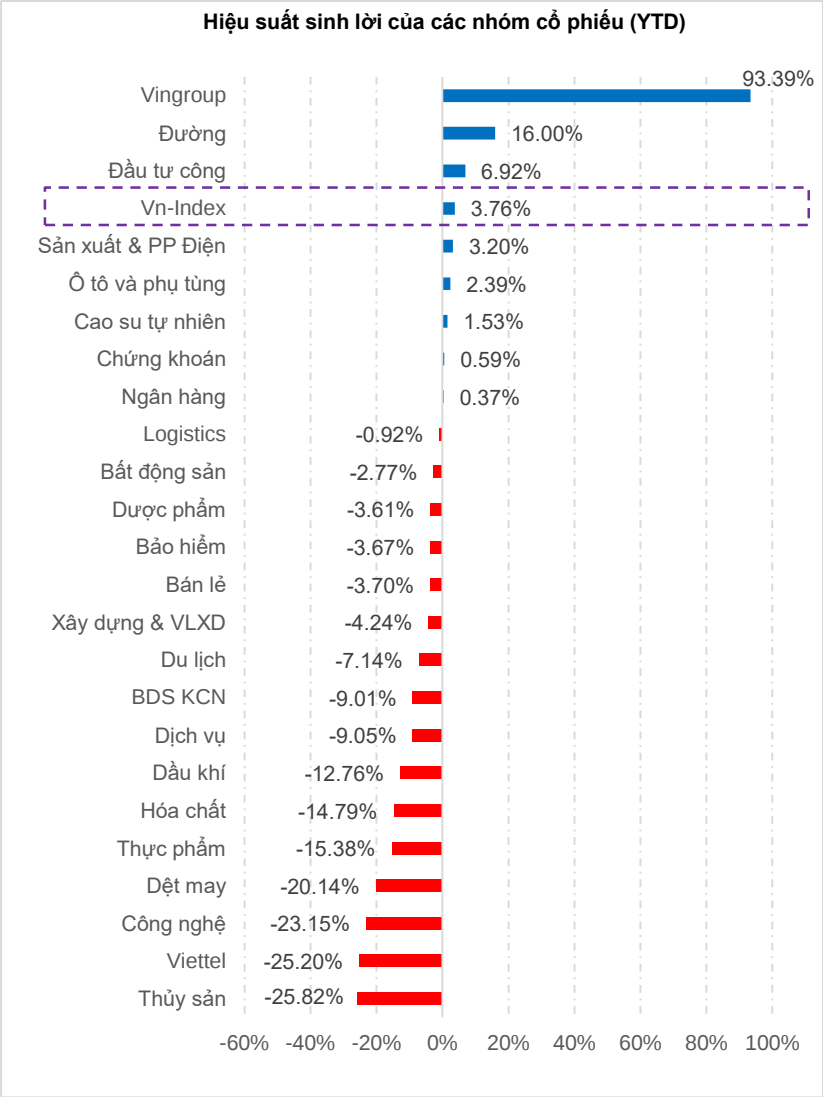
Chỉ số Vn-Index đã chạm vùng đỉnh 1.330 – 1.340 điểm nhưng rất ít nhóm cổ phiếu theo kịp đà phục hồi của chỉ số



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất cổ phiếu có thanh khoản bình quân 100 tỷ/phần

STT	MCK	Giá đóng cửa (23/05)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Triệu VND)
	VNINDEX	1314.46	1.00	8.54	3.76	
1	FPT	117.10	-3.22	6.07	-23.21	1,069,981
2	VHM	68.80	18.62	17.61	72.00	969,999
3	TCB	30.15	2.38	15.52	22.31	969,695
4	SHB	13.50	0.37	3.85	46.12	943,299
5	VIX	13.40	2.68	9.39	36.04	824,153
6	VPB	18.10	0.28	11.33	-3.17	815,728
7	STB	41.80	5.03	3.98	13.28	801,167
8	GEX	33.70	14.82	33.77	88.75	731,083
9	MBB	24.65	0.00	5.34	13.03	662,173
10	MWG	64.20	0.63	9.18	5.25	633,168
11	VIC	93.00	16.25	58.70	129.35	566,809
12	MSN	63.20	1.12	6.04	-9.71	499,588
13	HPG	25.60	-0.78	0.20	-3.94	493,859
14	SSI	23.35	-1.48	2.64	-10.36	485,156
15	ACB	21.60	1.57	5.08	0.19	445,135

STT	MCK	Giá đóng cửa (23/05)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Triệu VND)
16	EIB	21.40	10.03	13.53	10.88	425,252
17	CII	15.15	13.91	27.85	8.60	422,039
18	HDB	22.10	0.68	8.60	-13.33	380,964
19	VCG	23.05	5.49	6.47	27.00	368,128
20	NVL	12.45	2.47	15.28	21.46	364,940
21	VND	15.55	2.30	2.98	23.41	354,627
22	VRE	25.65	4.69	16.86	49.56	311,367
23	VCI	36.25	-3.46	-0.14	9.98	275,502
24	CTG	38.80	-0.51	4.02	2.65	268,731
25	HCM	25.15	-4.73	2.79	-11.60	257,770
26	VCB	56.80	-1.22	-2.07	-6.82	253,198
27	VNM	55.30	-1.60	1.52	-9.69	247,690
28	KBC	26.50	2.51	21.00	-2.57	242,351
29	DBC	27.90	-2.11	-0.89	0.54	240,715
30	VSC	22.00	2.33	16.71	38.36	221,416

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất cổ phiếu có thanh khoản bình quân 100 tỷ/phần

STT	MCK	Giá đóng cửa (23/05)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Triệu VND)
	VNINDEX	1314.46	1.00	8.54	3.76	
31	EVF	10.45	5.56	12.24	14.84	217,801
32	DXG	16.75	1.21	13.56	12.01	208,941
33	POW	13.35	3.49	11.72	11.25	190,932
34	TCH	18.85	3.86	8.02	24.42	181,597
35	BAF	35.15	1.74	0.57	25.09	178,367
36	TPB	13.25	-2.57	5.29	-14.63	175,490
37	HAH	79.00	19.52	31.89	59.60	168,332
38	MSB	11.60	-1.28	2.20	-0.43	163,615
39	DIG	15.60	-0.95	7.59	-17.46	157,024
40	GEE	101.60	8.90	45.95	263.65	156,334
41	DGC	87.80	-4.46	-3.30	-24.70	156,207
42	HAG	13.80	3.76	15.00	14.52	145,620
43	HVN	38.50	13.24	22.61	34.38	142,418
44	GMD	53.30	-1.11	13.40	-18.25	132,165

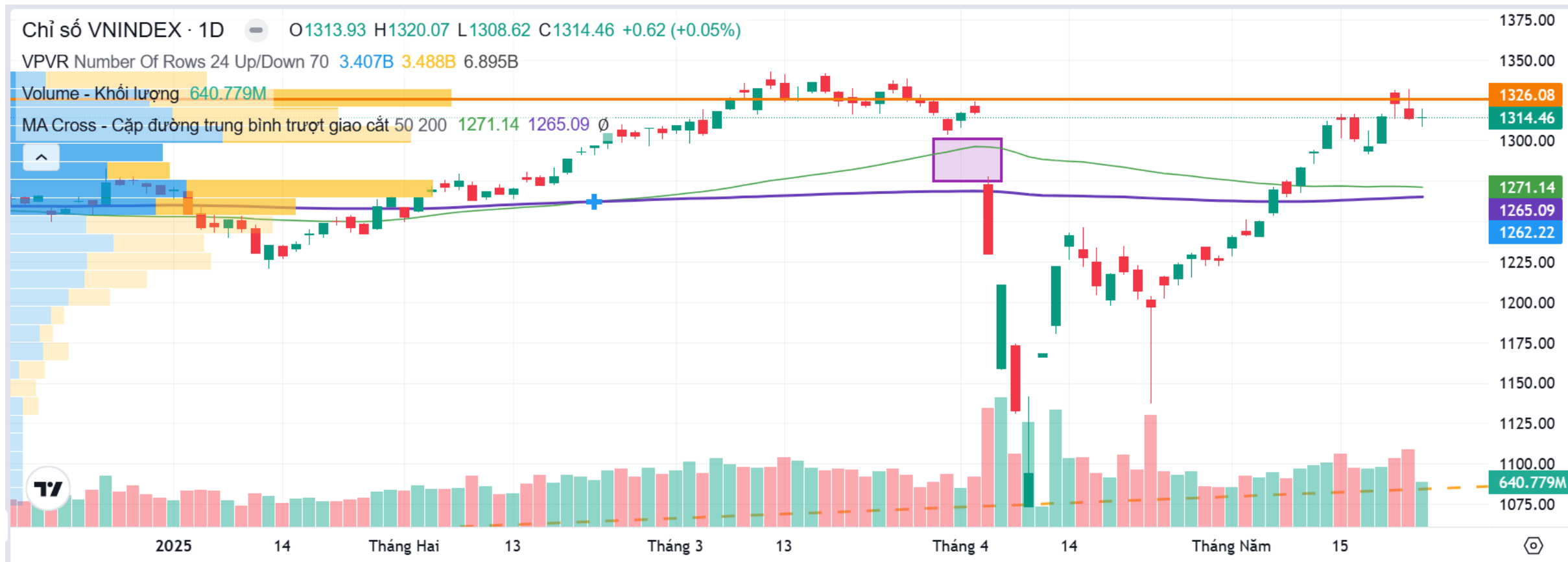
STT	MCK	Giá đóng cửa (23/05)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Triệu VND)
45	BID	35.85	-2.05	1.41	-4.53	129,211
46	FUEVFNVD	31.57	-1.34	11.48	-5.82	125,345
47	HHS	13.90	5.30	23.01	87.33	122,619
48	PDR	16.10	-2.42	3.21	-22.22	118,678
49	VPI	49.05	0.10	-7.10	-17.98	118,575
50	CTD	78.20	-3.46	-1.51	13.83	117,876
51	SSB	18.65	-1.84	0.81	11.34	115,613
52	HHV	12.15	-0.41	0.41	4.29	108,001
53	LPB	31.95	-6.03	3.00	9.76	106,806
54	VIB	18.20	-0.55	3.12	-3.95	106,251
55	HSG	16.25	-1.22	21.72	-9.35	106,246
56	FTS	34.20	-5.52	5.48	-9.65	102,876

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Chỉ số Vn-Index đã chạm đến vùng đỉnh cũ 1.330 – 1.340 điểm, đây là vùng cản mạnh cả về chỉ số và thanh khoản

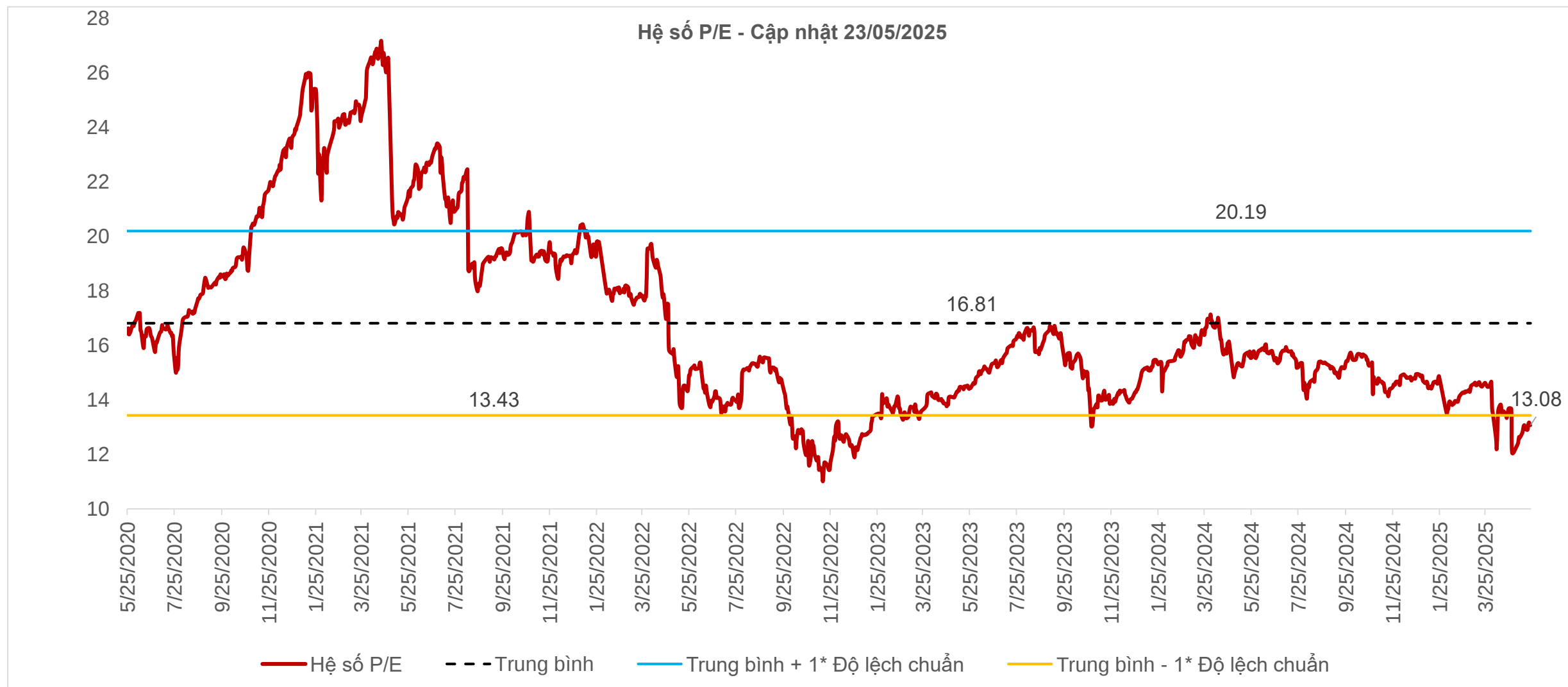
Kịch bản cơ sở, chỉ số Vn-Index kiểm tra lại vùng hỗ trợ 1.270 - 1.280 điểm trong khi chờ tin thuế quan, vùng kháng cự ở khu vực 1.330 điểm



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Định giá thị trường: Hệ số P/E trong vòng 5 năm qua (ttm, lần)



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường: Trong 7 năm trở lại đây, xác suất thị trường tăng điểm trong tháng 6 không cao (28,6%)

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
10 Yr Avg	2.47	1.98	-1.51	.18	1.88	.65	1.29	1.79	-.54	-1.13	2.28	1.19
2025	-.14	3.19	.11	-6.16	7.19							
2024	3.04	7.59	2.50	-5.81	4.32	-1.30	.50	2.59	.32	-1.82	-1.11	1.31
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03
2015	5.58	2.86	-6.99	2.04	1.27	4.12	4.72	-9.07	-.37	7.95	-5.63	1.02

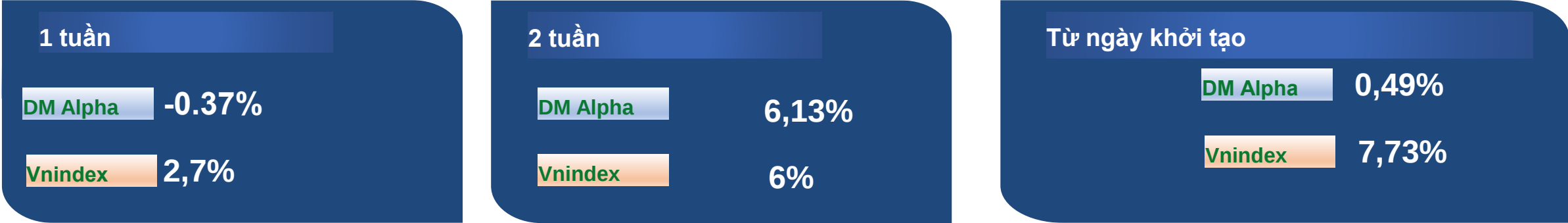
Nguồn: Bloomberg

 Ưu điểm vượt trội:

- (1) Tự động gợi ý các mã cổ phiếu chất lượng.
- (2) Tự động cập nhật điểm mua cổ phiếu theo thời gian thực (real-time) khi mã cổ phiếu biến động vào vùng giá khuyến nghị.
- (4) Hỗ trợ luồng đặt lệnh siêu tốc dành cho khách hàng.
- (5) Hoàn toàn miễn phí sử dụng.

 Luận điểm:

- (1) Cổ phiếu nổi bật có câu chuyện ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của ngành, có kết quả kinh doanh được dự báo tăng trưởng trong tương lai, và được Khối Nghiên cứu đánh giá lạc quan.
- (2) Danh sách các cổ phiếu khuyến nghị của khối nghiên cứu có Upside ≥ 1 .
- (3) Cổ phiếu thuộc 200 công ty có vốn hóa lớn nhất trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM.
- (4) Khối lượng giao dịch Trung bình 30 phiên của cổ phiếu lớn hơn 500,000 cổ phiếu/ngày.



Danh mục nắm giữ hiện tại

Danh mục Alpha bắt đầu khởi tạo ngày 08/08/2024
 Hiệu suất Vnindex tính từ 8/8/2024

STT	Mã	Giá khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá Mục tiêu	Giá cắt lỗ	% Lãi dự kiến	% Lỗ dự kiến	Số phiên nắm giữ (Cho đến hiện tại)	Ngày hiện tại	Giá hiện tại	Lãi lỗ tạm tính
1	VCG	21,600	4/25/2025	25,000	20,300	15.74%	-6.02%	19	5/23/2025	23,050	6.71%
2	CTG	37,200	4/24/2025	42,000	35,000	12.90%	-5.91%	20	5/23/2025	38,800	4.30%
3	MWG	60,000	5/8/2025	78,000	56,500	30.00%	-5.83%	10	5/23/2025	64,200	7.00%
4	FPT	114,000	5/8/2025	130,000	102,000	14.04%	-10.53%	10	5/23/2025	117,100	2.72%
5	FRT	172,000	5/5/2025	202,000	163,000	17.44%	-5.23%	12	5/23/2025	163,300	-5.06%

CTG Việc giảm nhẹ trích lập dự phòng và phục hồi mạnh hơn của thu nhập ngoài lãi trong sẽ thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2025. Mặc dù chi phí trích lập dự báo không tang mạnh trong giai đoạn 2025/2026, chất lượng tài sản vẫn sẽ được cải thiện nhờ đẩy mạnh thu hồi nợ xấu. Chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với CTG với giá mục tiêu mới là 52,100 VND/cp, nhờ điều chỉnh tăng P/B mục tiêu lên 1.5x nhờ triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tích cực trong 2 năm t

VCG VCG được hưởng lợi đáng kể trong bối cảnh Chính phủ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công dự kiến tăng trưởng 14% và ngành xây dựng dân dụng có triển vọng phục hồi tốt. Backlog mảng xây dựng dự kiến đạt mức 19,486 (+8% svck) nhờ trúng thầu tại các dự án lớn như sân bay Long Thành, cao tốc Bắc - Nam và đường Vành đai 3.5 (HN).
- Đối với mảng BĐS, triển vọng khả quan nhờ khả năng bán 1 phần dự án Cát Bà (hiện tại đang đàm phán với 1 số đối tác) và mở bán dự án Móng Cái , Bạch Mai. Nhờ đó, LN mảng BĐS dự kiến tăng trưởng 20% svck.
- Định giá ở mức hấp dẫn: Hiện tại PE forward của DN khoảng 9.5 (thấp hơn mức trung bình 11 trong 3 năm gần đây)

MWG Năm 2025, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận ròng MWG đạt 5,180 tỷ đồng (+ 39% svck) với động lực chính từ sự phục hồi nhu cầu tiêu thụ của chuỗi TGDD&DMX và sự mở rộng khu vực mới của BHX, cụ thể:
(1) Năm 2024, hầu hết các mảng kinh doanh chủ lực của ICT-CE đều ghi nhận tăng trưởng 2 chữ số sv mức nền thấp cùng kỳ. 2 tháng đầu năm 2025, doanh thu ICT-CE ghi nhận mức tăng trưởng 2 chữ số và có sự hỗ trợ tốt của cầu tiêu thụ trong nước. Tiếp tục xu hướng phục hồi, mảng bán lẻ điện tử tiêu dùng (TGDD&DMX) kỳ vọng lợi nhuận tăng trưởng 28% sv mức nền thấp năm 2023 với số lượng cửa hàng ước tính đi ngang svck, doanh thu/cửa hàng tăng 16% svck và ghi nhận khoảng 2.7 tỷ đồng/tháng - tương đương giai đoạn năm 2022.

FPT Doanh thu 2T25 tăng 16% svck, thấp hơn kỳ vọng chủ yếu do doanh thu CNTT khu vực châu Mỹ tăng trưởng chậm. Tuy nhiên, LNTT 2T25 tăng 21% svck hỗ trợ bởi biên LN cải thiện mạnh mẽ, phù hợp với dự phóng.
Ở mức giá chiết khấu hấp dẫn, FPT là lựa chọn hàng đầu nhờ LN bền vững (20.6% CAGR 2025-27) trong bối cảnh triển vọng kinh tế có nhiều biến động.
Duy trì khuyến nghị **Khả quan** với giá mục tiêu 146,700 đ

FRT Long Châu tiếp tục là điểm sáng của FRT với vị thế dẫn đầu thị trường bán lẻ dược phẩm, chuỗi nhà thuốc tiếp tục mở rộng về quy mô và tối ưu hiệu quả chi phí giai đoạn 2025-26. Chúng tôi ước tính LN ròng năm 2025-26 tăng 111%/36% svck và đạt 670/939 tỷ đồng với động lực chính từ Long Châu.
Chúng tôi đưa ra khuyến nghị **KHẢ QUAN** với giá cổ phiếu 202,400 đồng/cp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng